

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành đào tạo: **KẾ TOÁN**

Mã số: **8340301**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Nha Trang**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

**Khánh Hòa, 2021**

## MỤC LỤC

|                                                                               |     |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Phần I SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN .....                                 | 3   |
| 1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Nha Trang.....                    | 3   |
| 1.2. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán.....              | 5   |
| 1.3. Giới thiệu về khoa Kế toán – Tài chính .....                             | 10  |
| 1.4. Lý do đề nghị cho phép đào tạo thạc sĩ Kế toán.....                      | 11  |
| Phần II NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO .....                                      | 14  |
| 2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.....   | 14  |
| 2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo .....                    | 14  |
| 2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo .....                   | 19  |
| 2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng .....                           | 20  |
| 2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....                                      | 27  |
| 2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo:.....           | 27  |
| 2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo .....        | 27  |
| 2.3.4. Phòng học, giảng đường .....                                           | 38  |
| 2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học .....                                      | 38  |
| 2.4.1. Đề tài khoa học đã thực hiện: .....                                    | 39  |
| 2.4.2. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn: ..... | 40  |
| 2.4.3. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu:.....                      | 42  |
| 2.5. Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.....                | 50  |
| Phần III CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO .....                               | 54  |
| 3.1. Chương trình đào tạo.....                                                | 54  |
| 3.1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo .....                             | 54  |
| 3.1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo .....                                     | 55  |
| 3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo .....         | 67  |
| 3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh .....                                              | 67  |
| 3.2.2. Kế hoạch đào tạo.....                                                  | 68  |
| 3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo .....                              | 73  |
| 3.3. Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo.....                    | 76  |
| Phần 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN.....                                    | 153 |

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|       |                       |
|-------|-----------------------|
| CBVC  | Cán bộ viên chức      |
| DN    | Doanh nghiệp          |
| DNNN  | Doanh nghiệp Nhà nước |
| DNTN  | Doanh nghiệp tư nhân  |
| GD-ĐT | Giáo dục và Đào tạo   |
| GV    | Giảng viên            |
| GVC   | Giảng viên chính      |
| GVCC  | Giảng viên cao cấp    |
| HSCN  | Hành chính sự nghiệp  |
| HTĐN  | Hợp tác đối ngoại     |
| HTQT  | Hợp tác quốc tế       |
| KTTC  | Kế toán tài chính     |
| NCS   | Nghiên cứu sinh       |
| PGS   | Phó giáo sư           |
| TCNH  | Tài chính - ngân hàng |
| ThS   | Thạc sĩ               |
| TNHH  | Trách nhiệm hữu hạn   |
| TS    | Tiến sĩ               |

# **Phần I**

## **SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Nha Trang**

Đại học Nha Trang là trường đa ngành, đa lĩnh vực. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho ngành thủy sản cả nước và các lĩnh vực kinh tế, kế toán, tài chính, kỹ thuật, công nghệ của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trường Đại học Nha Trang trước 2006 là Trường Đại học Thủy sản, được thành lập ngày 18 tháng 6 năm 1966 theo Quyết định số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ. Tiền thân của Trường là Khoa Thủy sản được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Trường Đại học Nha Trang có sứ mạng: *“Đào tạo nhân lực trình độ cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực thủy sản là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”*.

Tầm nhìn của Trường Đại học Nha Trang: *“Đến năm 2030 là Trường đại học đa lĩnh vực có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hàng đầu khu vực Đông Nam Á về lĩnh vực khoa học thủy sản và một số ngành kinh tế biển”*.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Nha Trang: *“Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng”*.

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Nha Trang: *“Hoạt động giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang nhằm phát triển ở người học: Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe; Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp; Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp; Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ; Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp”*.

Cơ sở chính của Trường Đại học Nha Trang với khuôn viên rộng 24 héc ta, tọa lạc tại một trong những vị trí đẹp nhất bên bờ vịnh Nha Trang, là một địa chỉ văn

hóa, khoa học trọng điểm của thành phố biển Nha Trang và tỉnh Khánh Hòa. Trường Đại học Nha Trang hiện có 17 khoa, viện, trung tâm đào tạo; 4 viện và trung tâm nghiên cứu - chuyên giao công nghệ và 13 đơn vị quản lý, phục vụ đào tạo.

Về đội ngũ cán bộ và nhân viên cơ hữu, tính đến tháng 31/3/2021, Trường Đại học Nha Trang có tổng số 643 CBVC, trong đó có 473 CBVC là giảng viên (chiếm tỷ lệ 73,6%) và 170 cán bộ là viên chức hành chính, phục vụ (chiếm tỷ lệ 26,4%). Đội ngũ CBVC của Trường có 21 Phó giáo sư, 133 Tiến sĩ, 343 Thạc sĩ, 21 giảng viên cao cấp (GVCC), 69 giảng viên chính (GVC) và 08 chuyên viên chính, 30 GV đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài, 32 GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 31,92%, tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu là 60,89%. Trên 60% trình độ tiến sĩ đã được đào tạo tại các nước phát triển (Mỹ, Nhật, Pháp, Nga, Na Uy, Úc, Đài Loan, Hàn Quốc...) và trên 50% trình độ thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài.

Về hoạt động đào tạo, tính đến ngày 31/3/2021, Nhà trường có 10 ngành đào tạo tiến sĩ, 15 ngành Đào tạo thạc sĩ (19 chương trình đào tạo chuyên ngành), 36 ngành đào tạo trình độ đại học (50 chương trình đào tạo chuyên ngành). Lưu lượng người học thường xuyên của Trường hơn 20 nghiên cứu sinh, trên 350 học viên cao học, và khoảng 15.000 sinh viên chính quy. Qua 61 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường đã đào tạo được trên 75 tiến sĩ, 3.000 thạc sĩ, trên 35.000 kỹ sư, cử nhân đại học. Chương trình đào tạo các trình độ được định kỳ rà soát, cập nhật để không ngừng đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Hiện nay, Trường đang hợp tác về đào tạo và nghiên cứu với khoảng 60 trường đại học, viện nghiên cứu của 17 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Trường Đại học Nha Trang đã 2 lần đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bậc cao, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lần 1 vào tháng 2/2009, Trường Đại học Nha Trang là một trong 20 trường đại học đầu tiên của cả nước được Hội đồng Quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Lần 2 vào tháng 3/2018 tiếp tục nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG TP.HCM cấp. Đồng thời, Nhà trường đã có 2 CTĐT ngành Kỹ thuật tàu thủy và ngành Công nghệ chế biến thủy sản đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào tháng 04/2020.

Với 61 năm xây dựng và phát triển cùng với những thành tích đạt được, Nhà trường vinh dự được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, tiêu biểu như: Huân chương Lao động hạng Ba (1981), hạng Nhì (1986), hạng Nhất (1989); Huân chương Độc lập hạng Ba (1994), hạng Nhì (1999), hạng Nhất (2004); Anh hùng lao động (2006).

## **1.2. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng và cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao luôn là một trong những đòi hỏi cấp thiết của bất kỳ quốc gia, khu vực hay địa phương. Nguồn nhân lực chính là tiền đề và động lực quan trọng để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện cơ bản để phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững. Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội của cả nước. Năm 2019, dân số của khu vực này chiếm 12,0%, trong khi diện tích đất chiếm đến 24,8% của cả nước. Đây là khu vực này có rất nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng về biển đảo có nguồn tài nguyên nguyên phong phú, có cơ sở hạ tầng và diện tích đất để xây dựng các khu công nghiệp tập trung gần với cảng biển.

Với nhiều tiềm năng để phát triển, nhưng việc phát triển kinh tế - xã hội của Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Tỷ lệ nhân lực có trình độ cao, có thể tư vấn, quản lý và hoạch định chính sách và chiến lược cho các ngành kinh tế, các doanh nghiệp và các tập đoàn kinh tế còn rất thấp. Nhiều chuyên gia đã nhận định rằng thị trường lao động ở khu vực này sẽ vẫn tiếp tục thiếu hụt và khan hiếm đặc biệt nguồn nhân lực cấp quản lý trở lên. Nhiều doanh nghiệp cũng thừa nhận việc tuyển dụng nhân lực quản lý chất lượng cao là rất khó khăn, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng tài chính đã đi qua, rất nhiều doanh nghiệp hiện vẫn đang phải tiến hành tái cấu trúc. Ngoài ra, theo các đánh giá gần đây thì ở Việt Nam hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực từ trí thức, công chức, viên chức còn nhiều yếu kém và bất cập. Đa số công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan công quyền chưa hội đủ những tiêu chuẩn của một công chức, viên chức như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng công việc. Nhìn chung, nguồn nhân lực từ công chức, viên chức ở Việt Nam nói chung và Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng còn nhiều bất cập. Sự bất cập này đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát

triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước. Những vấn đề nêu trên đã cho thấy phần nào bức tranh về thực trạng nhân lực tại các cơ quan công quyền của Nhà nước cũng như tại các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng. Điều này cũng khẳng định nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán hiện nay chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng so với nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

Để xác định chính xác hơn nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán, đặc biệt là nhu cầu đào tạo ngành này tại Khoa Kế toán – Tài chính (KTTC), Trường Đại học Nha Trang, hội đồng xây dựng đề án mở ngành đã thực hiện hai cuộc khảo sát bằng cách khảo sát trực tuyến thông qua công cụ google forms: (i) Khảo sát nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ ngành Kế toán của 50 đơn vị, trong đó có 09 doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), 36 doanh nghiệp tư nhân (DNTN) và 05 đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp (HCSN); (ii) Khảo sát 120 người về nhu cầu học thạc sĩ ngành Kế toán.

**Bảng 1.1: Kết quả khảo sát nhu cầu của các đơn vị về nhân lực được đào tạo ở trình độ thạc sĩ Kế toán trong thời gian tới**

| TT | Tên đơn vị được khảo sát                          | Loại hình đơn vị      | Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán |               |       |
|----|---------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|---------------|-------|
|    |                                                   |                       | Cần thiết                                              | Đang cân nhắc | Không |
| 1  | Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4                 | Doanh nghiệp Nhà nước | X                                                      |               |       |
| 2  | Công ty TNHH MTV Thủy sản Fishsan                 | Doanh nghiệp Nhà nước | X                                                      |               |       |
| 3  | Công ty Yến Sào Khánh Hoà                         | Doanh nghiệp Nhà nước | X                                                      |               |       |
| 4  | Viễn thông Khánh Hòa                              | Doanh nghiệp Nhà nước | X                                                      |               |       |
| 5  | VIETTEL KHÁNH HÒA                                 | Doanh nghiệp Nhà nước | X                                                      |               |       |
| 6  | CN Công ty TNHH MTV kỳ nghỉ Đà Nẵng tại Nha Trang | Doanh nghiệp tư nhân  | X                                                      |               |       |
| 7  | Công ty CP Vịnh Nha Trang                         | Doanh nghiệp tư nhân  | X                                                      |               |       |
| 8  | Công ty TNHH Du Lịch Xanh                         | Doanh nghiệp tư nhân  | X                                                      |               |       |
| 9  | Công ty TNHH Hải Vương                            | Doanh nghiệp tư nhân  | X                                                      |               |       |
| 10 | Công ty TNHH MARISO VIET NAM                      | Doanh nghiệp tư nhân  | X                                                      |               |       |

|    |                                           |                                     |   |   |  |
|----|-------------------------------------------|-------------------------------------|---|---|--|
| 11 | Công ty TNHH Mariso Việt Nam              | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 12 | Công ty TNHH thủy sản Bạc Liêu            | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 13 | Công ty TNHH Thủy Sản Hải Vương Group     | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 14 | Công ty TNHH thủy Sản Thông Thuận         | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 15 | Công ty TNHH Tín Thịnh                    | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 16 | Công ty TNHH Tư Vấn TK và XD Thành Phát   | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 17 | Công ty TNHH Tường Nghi                   | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 18 | Công ty Vật liệu Xây dựng Nhà Việt        | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 19 | Ngân hàng TMCP Bản Việt                   | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 20 | Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PAN              | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 21 | CÔNG TY TNHH GUYOMARC'H VIỆT NAM          | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 22 | Bệnh viện Tâm thần TPCT                   | Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp | X |   |  |
| 23 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng | Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp | X |   |  |
| 24 | OCB                                       | Doanh nghiệp tư nhân                | X |   |  |
| 25 | Công ty CP Cấp Thoát Nước Khánh Hòa       | Doanh nghiệp Nhà nước               |   | X |  |
| 26 | Skypec                                    | Doanh nghiệp Nhà nước               |   | X |  |
| 27 | Công ty CP ĐT XD TM Nam Hoà Phát          | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |
| 28 | Công TY CP TV DV TÂM MINH PHAT            | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |
| 29 | Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng Thiên Tân    | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |
| 30 | Công ty Phúc An Auto                      | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |
| 31 | Công ty TNHH Bình Định FISHCO             | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |
| 32 | Công ty TNHH Long Sinh                    | Doanh nghiệp tư nhân                |   | X |  |

|    |                                                           |                                     |           |           |           |
|----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| 33 | Công Ty TNHH Máy Văn Phòng Qtech                          | Doanh nghiệp tư nhân                |           | X         |           |
| 34 | Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến                               | Doanh nghiệp tư nhân                |           | X         |           |
| 35 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ARITNT.COM                | Doanh nghiệp tư nhân                |           | X         |           |
| 36 | Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á             | Doanh nghiệp tư nhân                |           | X         |           |
| 37 | Công ty TNHH Xây dựng công trình Đông Nguyễn              | Doanh nghiệp tư nhân                |           | X         |           |
| 38 | Trường mầm non Anh Đào                                    | Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp |           | X         |           |
| 39 | VietinBank Khánh Hoà                                      | Doanh nghiệp Nhà nước               |           | X         |           |
| 40 | Công ty cổ phần du lịch Vietour                           | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 41 | CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN THUẾ THÔNG MINH                      | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 42 | Công ty TNHH Kiểm toán FAC                                | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 43 | Công ty TNHH MTV New Horizon Việt Nam                     | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 44 | NH QUOC TE                                                | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 45 | Siêu thị Mini Kent Mart                                   | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 46 | Văn phòng công chứng Hoàng Long                           | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 47 | Công ty TNHH Kiểm Toán FAC- CN Nha Trang                  | Doanh nghiệp tư nhân                |           |           | X         |
| 48 | Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ | Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp |           |           | X         |
| 49 | UBND xã Phước Diêm                                        | Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp |           |           | X         |
| 50 | Vietcombank khánh hoà                                     | Doanh nghiệp Nhà nước               |           |           | X         |
|    | <b>Tổng</b>                                               |                                     | <b>24</b> | <b>15</b> | <b>11</b> |

*Nguồn: Kết quả khảo sát trực tuyến thông qua công cụ google forms*

Kết quả khảo sát ở bảng 1.1 cho thấy, trong tổng số 50 đơn vị được khảo sát về nhân lực được đào tạo ở trình độ thạc sỹ Kế toán trong thời gian tới thì có 24 đơn vị trả lời cần thiết (48%), 15 đơn vị trả lời đang cân nhắc (30%) và 11 đơn vị trả lời không

(22%). Như vậy, qua khảo sát cho thấy nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ ngành Kế toán đáp ứng các công việc trong thời gian tới là rất lớn.

**Bảng 1.2: Nhu cầu học thạc sĩ ngành Kế toán tại trường Đại học Nha Trang**

| Nhu cầu đăng ký học                      | Số người       | Tỷ lệ (%)   |
|------------------------------------------|----------------|-------------|
| Có nhu cầu ngay                          | 10             | 10          |
| Có dự định trong thời gian tới           | 33             | 33          |
| Vẫn đang cân nhắc                        | 27             | 27          |
| Không                                    | 30             | 30          |
| <b>Phiếu có kết quả / phiếu điều tra</b> | <b>100/120</b> | <b>83,3</b> |

*Nguồn: Kết quả khảo sát trực tuyến thông qua công cụ google forms*

Kết quả khảo sát ở bảng 1.2 cho thấy, trong tổng số 100 người được hỏi về ý định hoặc kế hoạch tiếp tục học thạc sĩ ngành Kế toán trong giai đoạn từ 2021 -2030 thì có 43 người trả lời có nhu cầu ngay và có dự định trong thời gian tới (43%), và 27 người đang cân nhắc (27%). Đa số người có nhu cầu học mong muốn thời gian đào tạo là 18 tháng (68%). Nguyên vọng được theo học khóa học vào các ngày cuối tuần (thứ 7 và chủ nhật) chiếm 56% và các buổi tối trong tuần chiếm 38%. Phần lớn lý do dự kiến đi học của những ứng cử viên đang đi làm là mong muốn nâng cao trình độ chuyên môn, thăng tiến trong công việc. Những ứng cử viên có nhu cầu đi học ngay là mong muốn đáp ứng tiêu chí vị trí việc làm của công ty và dễ xin việc.

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng các doanh nghiệp và nhu cầu học thạc sĩ ngành Kế toán tại Trường Đại học Nha Trang, thì số lượng người học đáp ứng nhu cầu mở lớp. Điều này khẳng định một cách chắc chắn rằng, nhu cầu tiếp tục học lên thạc sĩ ngành Kế toán tại Khoa KTTC, Trường Đại học Nha Trang là mong muốn của rất nhiều người. Nhất là những người đang làm việc ở doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và một số tỉnh lân cận thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây nguyên.

Như vậy, thông qua việc điều tra, khảo sát, phân tích nhu cầu xã hội về nhu cầu nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Kế toán cho thấy: Nhu cầu nhân lực tư vấn chính sách kế toán cho các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là rất lớn. Nguồn nhân lực có trình độ Thạc sĩ Kế toán có thể tham gia giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong khu vực sản xuất, kinh doanh, đề xuất các chính sách, định hướng phát triển, hoạch định các giải pháp về lĩnh vực Kế toán đặt ra trong bối cảnh hội nhập mở cửa và phát triển. Do đó, việc đào tạo nhân lực

có trình độ Thạc sĩ Kế toán sẽ góp phần nâng cao chất lượng nhân lực nghiên cứu/giảng dạy, lãnh đạo/quản lý, mở ra cơ hội để khơi dậy và khai thác tiềm năng phát triển của khu vực này. Tuy nhiên, hiện nay, trong 10 tỉnh của toàn khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, với hơn 10 trường đại học hiện có, chỉ có 01 trường có đào tạo Thạc sĩ Kế toán. Vì vậy, việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Kế toán tại Trường Đại học Nha Trang là rất cần thiết, cấp thiết và hoàn toàn phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng như tương lai của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

### **1.3. Giới thiệu về khoa Kế toán – Tài chính**

Khoa Kế toán - Tài chính của Trường Đại học Nha Trang được thành lập vào ngày 08/04/2010 trên cơ sở tách 02 Bộ môn Kế toán và Tài chính – Ngân hàng (TCNH) từ Khoa Kinh tế, nhằm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính – ngân hàng cho đất nước. Hiện nay, Khoa có 03 Bộ môn là Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng, đảm nhiệm đào tạo cho 02 ngành: Kế toán và Tài chính – Ngân hàng, 01 chuyên ngành Kiểm toán ở bậc Đại học.

Ngành Kế toán của Khoa KTTC được đào tạo từ năm 1995 cho các lớp hệ vừa làm vừa học và sinh viên chính quy khóa 38 là khóa đầu tiên được đào tạo ngành kế toán. Năm 2020 đánh dấu một bước ngoặt trong sự hình thành và phát triển của Khoa với kỷ niệm 10 năm thành lập Khoa, 25 năm đào tạo ngành Kế toán và 15 năm đào tạo ngành TCNH. Với hơn 25 năm đào tạo ngành Kế toán, hàng ngàn sinh viên Kế toán của Khoa KTTC đã ra trường, các sinh viên này hiện đang làm việc ở các doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước, ngân hàng, trường học và các đơn vị sự nghiệp; một số sinh viên của Khoa hiện là giảng viên của một số trường Đại học, cao đẳng trong nước.

Hiện nay, gần 1.800 sinh viên chính quy ngành Kế toán, Kiểm toán và TCNH đang theo học tại trường và có hơn 500 sinh viên ngành Kế toán hệ vừa làm vừa học đang học tại Trường Đại học Nha Trang và các cơ sở liên kết ở một số địa phương trong cả nước. Hiện tại Khoa KTTC có 39 giảng viên, với 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên và nhiều giảng viên được đào tạo ở nước ngoài. Trong 39 giảng viên có 08 giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có 04 Tiến sĩ Kế toán, 02 Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng và 02 Tiến sĩ kinh tế và QTKD; 04 giảng viên đang theo học chương trình NCS ngành Kế toán và ngành TCNH. Với nguồn nhân lực hiện tại có thể khẳng định

Khoa KTTC đã có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy lĩnh vực kế toán và đảm bảo đủ điều kiện để mở ngành Thạc sĩ Kế toán.

#### **1.4. Lý do đề nghị cho phép đào tạo thạc sĩ Kế toán**

Kế toán có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu ở bất kỳ tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp. Kế toán góp phần vào sự ổn định và tiến bộ chung của xã hội.

Kế toán là một nghề đã được trao một vị trí đặc quyền trong xã hội, nghề kế toán nói chung liên quan đến một loạt các vấn đề có góc độ công chúng quan tâm. Trong trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp trong kinh doanh, họ không chỉ phải duy trì tiêu chuẩn cao mà còn có vai trò chính trong việc giúp các tổ chức hành động có đạo đức; nghề kế toán có phạm vi rộng trong xã hội và trên thị trường vốn toàn cầu. Theo cách cơ bản nhất, niềm tin vào dữ liệu tài chính được tạo ra bởi các chuyên gia trong các doanh nghiệp tạo thành cốt lõi của niềm tin và giá trị công cộng.

Nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam đông về số lượng. Ước tính trong hơn 600 ngàn doanh nghiệp, hàng trăm ngàn đơn vị hành chính, sự nghiệp hoạt động trong nền kinh tế hiện nay, có hàng triệu người trực tiếp tham gia vào công tác kế toán, kiểm toán. Nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam đều được đào tạo ở các cấp độ khác nhau. Trong thời gian gần đây, chủ yếu được đào tạo ở bậc đại học hoặc cao đẳng.

Chất lượng nền tảng của nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam tương đối khá tốt; hàng năm các trường Đại học, cao đẳng cung cấp cho xã hội một lực lượng nhân lực kế toán tương đối dồi dào; phần lớn nguồn nhân lực này đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; tính cộng đồng, kết nối của cộng đồng những người làm kế toán, kiểm toán Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Xu hướng phát triển nghề nghiệp của cộng đồng người làm kế toán đã ngày càng rõ nét hơn thông qua việc người làm kế toán tiếp tục học tập và đào tạo để có được các chứng chỉ hành nghề kế toán, kiểm toán trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm trên, nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam cũng có những hạn chế nhất định như: Kiến thức và tư duy của người làm kế toán chủ yếu mang tính nghiệp vụ và tuân thủ, tính chủ động, sáng tạo và độc lập về chuyên môn của người làm kế toán, kiểm toán còn hạn chế. Ngoài ra, tác phong làm việc và tư duy làm việc còn chưa thực sự chuyên nghiệp, một bộ phận không nhỏ

người làm kế toán có tư duy an phận, ít nỗ lực trong phấn đấu về chuyên môn và phát triển sự nghiệp. Năng lực hội nhập của cộng đồng người làm kế toán, kiểm toán dù đã có cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, song nhìn chung còn yếu, chưa sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động và dịch vụ trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu. Tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán đã được khơi gợi trong thời gian qua song vẫn còn hạn chế. Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán còn rất nhỏ bé.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi điều kiện và môi trường làm việc của ngành Kế toán, kiểm toán. Đặc biệt, cuộc Cách mạng này đòi hỏi nhân lực ngành Kế toán, kiểm toán phải có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tốt và thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và toàn cầu hóa. Mặt khác thỏa thuận trong khuôn khổ AEC (Cộng đồng kinh tế ASEAN ) cho phép dịch chuyển tự do lao động có kỹ năng cao, hành nghề chuyên nghiệp (8 lĩnh vực ngành nghề được phép dịch chuyển tự do, trong đó có dịch vụ kế toán kiểm toán). Song dù muốn hay không thì người lao động Việt Nam đều chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu, rộng và nhanh với các mức độ khác nhau tùy theo lĩnh vực hoạt động và khả năng ứng phó của mỗi doanh nghiệp, mỗi người lao động trong môi trường hội nhập (Vũ Đình Ánh, 2016).

Khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên có hơn 10 khu kinh tế trong tổng số 15 khu kinh tế cả nước, 37 Khu công nghiệp trong khu vực với 600 Km từ tỉnh Thừa Thiên Huế đến tỉnh Khánh Hòa. Đây là khu vực được dự báo sẽ thu hút nhiều công ty, tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài trong thời gian tới. Do vậy nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu vực Miền Trung trong những năm tới rất cao, trong đó phải kể đến nguồn nhân trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Nhiều doanh nghiệp cần những vị trí có năng lực chuyên môn cao như giám đốc tài chính, kế toán trưởng,...hiện tại các vị trí này ở nhiều doanh nghiệp được giao cho người nước ngoài với mức lương cao. Các nhà tuyển dụng đánh giá cao tư duy độc lập và khả năng sáng tạo để tìm ra các ứng viên phù hợp. Mặc dù nguồn nhân lực về tài chính, kế toán, kiểm toán của Việt Nam đã sẵn sàng cho hội nhập kinh tế, nhưng số lượng và chất lượng mang tầm quốc tế vẫn là vấn đề cần cải thiện ([www.vacpa.org.vn](http://www.vacpa.org.vn)).

Trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, dẫn đến nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ Thạc sĩ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ngày càng nhiều.

Xuất phát từ thực tế trên, Khoa KTTC Trường Đại học Nha Trang xây dựng đề án mở ngành thạc sĩ Kế toán là thật sự cần thiết. Mục tiêu chính của đề án này nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực kế toán có chất lượng và trình độ cao trong thời đại công nghiệp 4.0, cũng như bối cảnh Việt Nam tham gia thỏa thuận Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Vì vậy, Trường Đại học Nha Trang kính đề nghị Bộ Giáo dục & Đào tạo xem xét cho phép mở chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán với mã số 8340301 nhằm đào tạo nguồn nhân lực kế toán có chất lượng và trình độ cao cho khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

## Phần II

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang

##### 2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Với 61 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường Đại học Nha Trang đã trở thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Trước năm 1990, Trường chỉ đào tạo trình độ đại học 5 chuyên ngành về lĩnh vực thủy sản, đến nay Trường đã đào tạo ở cả 3 trình độ bao gồm:

- Trình độ tiến sĩ: 10 ngành đào tạo tập trung ở các nhóm ngành kinh tế và quản lý, sản xuất và chế biến, thủy sản;
- Trình độ thạc sĩ: 15 ngành đào tạo (19 chương trình đào tạo chuyên ngành), tập trung ở các nhóm ngành kinh tế và quản lý, sản xuất và chế biến, thủy sản;
- Trình độ đại học: có 36 ngành đào tạo (50 chương trình đào tạo chuyên ngành) tập trung ở 5 nhóm ngành: Kinh tế và quản lý, khoa học xã hội nhân văn, công nghệ và kỹ thuật, sản xuất và chế biến, thủy sản.

**Bảng 2.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học tuyển sinh năm 2021**

| TT | Mã ngành    | Tên ngành                                                                                     | Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm |
|----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1  | 7340101 A   | Quản trị kinh doanh ( <i>Chương trình song ngữ Anh-Việt</i> )                                 | 1580/QĐ-ĐHNT,<br>09/12/2019                      |
| 2  | 7340301 PHE | Kế toán ( <i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i> )             | 1140/QĐ-BGDDT,<br>26/3/2018                      |
| 3  | 7480201 PHE | Công nghệ thông tin ( <i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i> ) | 1580/QĐ-ĐHNT,<br>09/12/2019                      |
| 4  | 7810201 PHE | Quản trị khách sạn ( <i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i> )  | 1580/QĐ-ĐHNT,<br>09/12/2019                      |
| 5  | 7620304     | Khai thác thủy sản                                                                            | 1140/QĐ-BGDDT,<br>26/3/2018                      |

| TT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                                                             | Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 6  | 7620305  | Quản lý thủy sản                                                                                                                      | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 7  | 7620301  | Nuôi trồng thủy sản (3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)  | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 8  | 7420201  | Công nghệ sinh học                                                                                                                    | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 9  | 7520320  | Kỹ thuật môi trường                                                                                                                   | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 10 | 7520103  | Kỹ thuật cơ khí                                                                                                                       | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 11 | 7510202  | Công nghệ chế tạo máy                                                                                                                 | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 12 | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử                                                                                                                   | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 13 | 7520115  | Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm) | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 14 | 7840106  | Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)                                                  | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 15 | 7520116  | Kỹ thuật cơ khí động lực                                                                                                              | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 16 | 7520122  | Kỹ thuật tàu thủy                                                                                                                     | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 17 | 7520130  | Kỹ thuật ô tô                                                                                                                         | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 18 | 7520201  | Kỹ thuật điện (chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử)                                                                                   | 850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020                           |

| TT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                          | Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 19 | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)     | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 20 | 7520301  | Kỹ thuật hoá học                                                                                   | 850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020                           |
| 21 | 7540101  | Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm) | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 22 | 7540105  | Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch) | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 23 | 7480201  | Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)           | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 24 | 7340405  | Hệ thống thông tin quản lý                                                                         | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 25 | 7810103P | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)                              | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 26 | 7810103  | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                                                                | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 27 | 7810201  | Quản trị khách sạn                                                                                 | 897/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019                           |
| 28 | 7340101  | Quản trị kinh doanh                                                                                | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 29 | 7340115  | Marketing                                                                                          | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 30 | 7340121  | Kinh doanh thương mại                                                                              | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |

| TT                                                             | Mã ngành | Tên ngành                                                                                                      | Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm |
|----------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 31                                                             | 7340201  | Tài chính - ngân hàng                                                                                          | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 32                                                             | 7340301  | Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)                                                                   | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 33                                                             | 7380101  | Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)                                                                     | 896/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019                           |
| 34                                                             | 7220201  | Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung) | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 35                                                             | 7310101  | Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế thủy sản)                                                                        | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| 36                                                             | 7310105  | Kinh tế phát triển                                                                                             | 1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018                         |
| <b>Tổng số 36 ngành (50 chuyên ngành/chương trình đào tạo)</b> |          |                                                                                                                |                                                  |

Nguồn: [www.ntu.edu.vn](http://www.ntu.edu.vn)

**Bảng 2.2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ tuyển sinh năm 2021**

| TT                      | Mã ngành | Văn bằng                            | Chương trình đào tạo        |
|-------------------------|----------|-------------------------------------|-----------------------------|
| <b>Trình độ Tiến sĩ</b> |          |                                     |                             |
| 1                       | 9620301  | Tiến sĩ Nuôi trồng thủy sản         | Nuôi trồng thủy sản         |
| 2                       | 9620304  | Tiến sĩ Khai thác thủy sản          | Khai thác thủy sản          |
| 3                       | 9520116  | Tiến sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực    | Kỹ thuật cơ khí động lực    |
| 4                       | 9540105  | Tiến sĩ Công nghệ chế biến thủy sản | Công nghệ chế biến thủy sản |
| 5                       | 9540104  | Tiến sĩ Công nghệ sau thu hoạch     | Công nghệ sau thu hoạch     |

|                         |         |                                                       |                                                                      |
|-------------------------|---------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 6                       | 9520122 | Tiến sĩ Kỹ thuật tàu thủy                             | Kỹ thuật tàu thủy                                                    |
| 7                       | 9540101 | Tiến sĩ Công nghệ thực phẩm                           | Công nghệ thực phẩm                                                  |
| 8                       | 9340101 | Tiến sĩ Quản trị kinh doanh                           | Quản trị kinh doanh                                                  |
| 9                       | 9520103 | Tiến sĩ Kỹ thuật cơ khí                               | Kỹ thuật cơ khí                                                      |
| 10                      | 9310109 | Tiến sĩ Kinh tế và quản lý tài nguyên biển            | Kinh tế và quản lý tài nguyên biển                                   |
| <b>Trình độ Thạc sĩ</b> |         |                                                       |                                                                      |
| 1                       | 8540101 | Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm                           | Công nghệ thực phẩm                                                  |
| 2                       | 8540104 | Thạc sĩ Công nghệ sau thu hoạch                       | Công nghệ sau thu hoạch                                              |
| 3                       | 8540105 | Thạc sĩ Công nghệ chế biến thủy sản                   | Công nghệ chế biến thủy sản                                          |
| 4                       | 8420201 | Thạc sĩ Công nghệ sinh học                            | Công nghệ sinh học                                                   |
| 5                       | 8520103 | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí                               | Kỹ thuật cơ khí                                                      |
| 6                       | -       | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí                               | Chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt;<br>Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí chế tạo |
| 7                       | 8520116 | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực                      | Kỹ thuật cơ khí động lực                                             |
| 8                       | 8620115 | Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp                           | Kinh tế Nông nghiệp                                                  |
| 9                       | 8310105 | Thạc sĩ Kinh tế phát triển                            | Kinh tế phát triển                                                   |
| 10                      | 8340410 | Thạc sĩ Quản lý kinh tế                               | Quản lý kinh tế                                                      |
| 11                      | 8620304 | Thạc sĩ Khai thác thủy sản                            | Khai thác thủy sản                                                   |
| 12                      | 8620301 | Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản                           | Nuôi trồng thủy sản                                                  |
| 13                      | 8340101 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                           | Quản trị kinh doanh                                                  |
| 14                      | 8480201 | Thạc sĩ Công nghệ thông tin                           | Công nghệ thông tin                                                  |
| 15                      | -       | Thạc sĩ Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu | Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu                        |

|    |         |                             |                                           |
|----|---------|-----------------------------|-------------------------------------------|
| 16 | -       | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh và du lịch (Pháp ngữ) |
| 17 | 8520130 | Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô       | Kỹ thuật ô tô                             |
| 18 | 8520122 | Thạc sĩ Kỹ thuật tàu thủy   | Kỹ thuật tàu thủy                         |

Nguồn: [www.ntu.edu.vn](http://www.ntu.edu.vn)

### 2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Nhà trường đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1987 với 10 ngành và đã có 85 nghiên cứu sinh tốt nghiệp (Bảng 2.3), đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 1992 với 15 ngành và đã có hơn 2.500 học viên tốt nghiệp, trong đó học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành QTKD chiếm hơn 50% (Bảng 2.4). Đào tạo 36 ngành trình độ đại học (50 chương trình đào tạo chuyên ngành) và đã có 58 khoá tốt nghiệp với khoảng gần 35.000 sinh viên tốt nghiệp. Trong 5 năm gần đây số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kế toán chiếm tỷ trọng tương đối cao (Bảng 2.5).

**Bảng 2.3. Kết quả đào tạo trình độ tiến sĩ đến năm 2020**

| TT          | Ngành                       | Năm bắt đầu đào tạo | Mã ngành | Số lượng  |
|-------------|-----------------------------|---------------------|----------|-----------|
| 1           | Nuôi trồng thủy sản         | 1987                | 9620301  | 32        |
| 2           | Khai thác thủy sản          | 1987                | 9620304  | 15        |
| 3           | Công nghệ chế biến thủy sản | 1992                | 9540105  | 22        |
| 4           | Kỹ thuật tàu thủy           | 1992                | 9520122  | 10        |
| 5           | Kỹ thuật cơ khí động lực    | 2012                | 9520116  | 6         |
| 6           | Công nghệ sau thu hoạch     | 2014                | 9540104  | 0         |
| <b>Tổng</b> |                             |                     |          | <b>85</b> |

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo SDH

**Bảng 2.4. Kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ khối ngành Kinh tế và Quản trị**

| TT               | Ngành               | 2013       | 2014       | 2015       | 2016       | 2017       | 2018       |
|------------------|---------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| 1.               | Kinh tế nông nghiệp | 8          | -          | -          | -          | -          | -          |
| 2.               | Quản trị kinh doanh | 156        | 272        | 278        | 133        | 230        | 191        |
| 3.               | Kinh tế phát triển  | -          | -          | -          | 02         | 230        | 133        |
| 4.               | Quản lý Kinh tế     |            |            |            |            | -          | 61         |
| <b>Tổng cộng</b> |                     | <b>164</b> | <b>272</b> | <b>278</b> | <b>135</b> | <b>460</b> | <b>385</b> |

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo SDH

**Bảng 2.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kế toán giai  
đoạn 2016-2020**

| <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Ngành</b>           | <b>2016<br/>(K54)</b> | <b>2017<br/>(K55)</b> | <b>2018<br/>(K56)</b> | <b>2019<br/>(K57)</b> | <b>2020<br/>(K58)</b> |
|---------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 7340301             | Kế toán                | 273                   | 169                   | 159                   | 138                   | 123                   |
| 7340301A            | Chuyên ngành Kiểm toán |                       |                       |                       |                       | 20                    |

*Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo*

## **2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng**

**Bảng 2.6. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học  
phần trong chương trình đào tạo**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên,<br/>năm sinh,<br/>chức vụ<br/>hiện tại</b>               | <b>Chức<br/>danh,<br/>năm<br/>QĐ</b> | <b>Học vị,<br/>nước,<br/>năm<br/>tốt<br/>nghiệp</b> | <b>Ngành,<br/>Chuyên<br/>ngành<br/>đào tạo</b> | <b>Tham<br/>gia đào<br/>tạo<br/>SDH</b> | <b>Thành tích<br/>khoa học</b>                                           | <b>Học phần có thể<br/>tham gia giảng dạy</b>                                                                                                                    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Nguyễn Văn Hương, 1978, Phó Trưởng Khoa KTTC, Phụ trách Bộ môn Kế toán | GVC, 2020                            | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                             | Kế toán                                        |                                         | 01 đề tài, 03 bài báo và 01 báo cáo hội thảo quốc tế uy tín.             | Lý thuyết kế toán; Kế toán tài chính; Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS); Kế toán trong kinh doanh; Thuế và Kế toán thuế; Kế toán Quốc tế.               |
| 2         | Võ Thị Thùy Trang, 1974, Giảng viên Bộ môn Kế toán                     | GV, 2000                             | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                             | Kế toán                                        |                                         | 05 bài báo, 03 báo cáo hội thảo quốc tế, và 03 bài báo quốc tế có uy tín | Lý thuyết kế toán; Kế toán tài chính; Kế toán quốc tế; Thuế và Kế toán thuế; Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS); Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán |
| 3         | Nguyễn Bích Hương Thảo, 1979, Giảng viên Bộ môn Kế toán                | GV 2002                              | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                             | Kế toán                                        | 2018, Trường ĐH Nha Trang               | 07 bài báo, 01 báo cáo hội thảo quốc tế                                  | Lý thuyết kế toán; Kế toán tài chính; Kế toán quốc tế; Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)                                                                |

|   |                                             |           |                         |                               |                           |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                   |
|---|---------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Nguyễn Tuấn, Quyền Trưởng Bộ môn Kiểm toán  | GV, 2001  | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021 | Kế toán                       | 2017, Trường ĐH Nha Trang | 01 đề tài, 27 bài báo/báo cáo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.                                           | Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Kiểm soát nội bộ; Kiểm toán hoạt động; Kế toán quản trị; Hệ thống thông tin kế toán                                                                                 |
| 5 | Nguyễn Thành Cường, 1971, Trưởng Khoa KTTTC | GVC, 2010 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015 | Kinh tế tài chính - Ngân hàng | 2015, Trường ĐH Nha Trang | 03 đề tài, 24 bài báo, trong đó có 15 bài báo quốc tế uy tín; 03 bài Hội thảo Quốc tế; 02 bài hội thảo Quốc gia | Phương pháp NCKH trong kế toán; Kế toán quản trị; Kế toán trong kinh doanh; Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Kiểm soát nội bộ; Hệ thống thông tin kế toán; Kế toán công                              |
| 6 | Võ Văn Cần, 1974, Giảng viên Bộ môn TCNH    | GV, 1998  | Tiến sĩ, Na Uy, 2013    | Quản trị kinh doanh           | 2013, Trường ĐH Nha Trang | 8 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.                                                               | Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp; Quản trị tài chính; Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian; Tài chính công                                                        |
| 7 | Nguyễn Hữu Mạnh, 1982, Bộ môn TCNH          | GV, 2008  | Tiến sĩ, Đài Loan, 2021 | Tài chính                     |                           | 5 bài báo, trong đó có 3 bài báo quốc tế uy tín                                                                 | Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian; Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp; Quản trị tài chính; Tài chính công                                                        |
| 8 | Nguyễn Thị Hiền, 1970                       | GVC, 2008 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2003 | Kinh tế                       | 2005, Trường ĐH Nha Trang | 4 đề tài, 1 sách, 30 bài báo                                                                                    | Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp; Quản trị tài chính; Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian; Tài chính công; Kế toán công; Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán |

|    |                                                         |           |                         |                            |                           |                                                                                                                                                                 |                                                                   |
|----|---------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 9  | Nguyễn Thị Trâm Anh, 1969, Trưởng Bộ môn thương mại     | PGS, 2020 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2009 | Kinh tế                    | 2009, Trường ĐH Nha Trang | 01 đề tài, 47 bài báo, trong đó có 07 bài báo quốc tế uy tín.<br>01 sách chuyên khảo, 01 tham khảo; 07 báo cáo Hội thảo Quốc tế và 03 báo cáo hội thảo Quốc gia | Kinh tế vĩ mô ứng dụng; Luật thương mại Quốc tế; Quản trị công ty |
| 10 | Hồ Huy Tựu, 1971, Trưởng Khoa Kinh tế                   | PGS, 2018 | Tiến sĩ, Na Uy, 2011    | Marketing                  | 2011, Trường ĐH Nha Trang | 5 đề tài, 03 sách, 50 bài báo, trong đó có 17 bài báo quốc tế uy tín.                                                                                           | Kinh tế vĩ mô ứng dụng; Phương pháp NCKH trong kế toán            |
| 11 | Lê Kim Long, 1974, Phó Khoa kinh tế                     | PGS, 2018 | Tiến sĩ, Na Uy, 2008    | Kinh tế                    | 2008, Trường ĐH Nha Trang | 1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 07 bài báo quốc tế                                                                                                    | Quản trị chiến lược                                               |
| 12 | Nguyễn Văn Ngọc, 1970, Trưởng Bộ môn Quản lý Kinh tế    | GV, 2003  | Tiến sĩ, LB Nga, 2000   | Kinh tế và quản lý kinh tế | 2005, Trường ĐH Nha Trang | 1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.                                                                                            | Quản trị công ty; Phương pháp NCKH trong kế toán                  |
| 13 | Phạm Hồng Mạnh, 1975, Giảng viên Bộ môn Quản lý Kinh tế | GVC, 2017 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2012 | Kinh tế                    | 2012, Trường ĐH Nha Trang | 3 đề tài, 3 sách, 48 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế.                                                                                                   | Kinh tế vi mô ứng dụng                                            |
| 14 | Phạm Thành Thái, 1977,                                  | GV 2000   | Tiến sĩ, Việt Nam, 2013 | Kinh tế phát triển         | 2013, Trường Đại học Nha  | 2 đề tài, 1 sách, 15 bài báo                                                                                                                                    | Kinh tế lượng ứng dụng                                            |

|    |                                     |           |                     |                     |                                |                                                   |                 |
|----|-------------------------------------|-----------|---------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|
|    | Trưởng Bộ môn Kinh tế học           |           |                     |                     | Trang                          |                                                   |                 |
| 15 | Nguyễn Thị Ái Cẩm                   | GV, 2005  | Tiến sĩ, Pháp, 2017 | Quản trị Kinh doanh | 2018, Trường ĐH Nha Trang      | 7 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín. | Luật kinh doanh |
| 16 | Nguyễn Hữu Tâm, 1978, Trưởng Bộ môn | GVC, 2020 | Tiến sĩ, Việt Nam   | Triết học           | 2018, Trường Đại học Nha Trang |                                                   | Triết học       |

**Bảng 2.7. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành thạc sĩ Kế toán**

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại                                  | Chức danh, năm QĐ | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, Chuyên ngành đào tạo   | Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT) | Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)                                                                                                           |
|----|------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Trâm Anh, 1969, Trưởng bộ môn thương mại                    | PGS, 2020         | Tiến sĩ, Việt Nam, 2009      | Kinh tế                       | 2009, Trường ĐH Nha Trang        | 01 đề tài, 47 bài báo, trong đó có 07 bài báo quốc tế uy tín. 01 sách chuyên khảo, 01 tham khảo; 07 báo cáo Hội thảo Quốc tế và 03 báo cáo hội thảo Quốc gia |
| 2  | Nguyễn Thành Cường, 1971, Trưởng Khoa KTTC                             | GVC, 2010         | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015      | Kinh tế tài chính - Ngân hàng | 2015, Trường ĐH Nha Trang        | 03 đề tài; 24 bài báo, trong đó có 15 bài báo quốc tế uy tín; 03 bài Hội thảo Quốc tế; 02 bài hội thảo Quốc gia                                              |
| 3  | Nguyễn Văn Hương, 1978, Phó Trưởng Khoa KTTC, Phụ trách Bộ môn Kế toán | GVC, 2020         | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019      | Kế toán                       |                                  | 01 đề tài, 03 bài báo và 01 báo cáo hội thảo quốc tế uy tín.                                                                                                 |
| 4  | Võ Thị Thùy Trang, 1974,                                               | GV, 2000          | Tiến sĩ, Việt Nam,           | Kế toán                       |                                  | 05 bài báo, 3 báo cáo hội thảo quốc                                                                                                                          |

|   |                                                         |          |                         |         |                           |                                                                       |
|---|---------------------------------------------------------|----------|-------------------------|---------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
|   | Giảng viên Bộ môn Kế toán                               |          | 2019                    |         |                           | tế, và 03 bài báo quốc tế có uy tín.                                  |
| 5 | Nguyễn Bích Hương Thảo, 1979, Giảng viên Bộ môn Kế toán | GV 2002  | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017 | Kế toán | 2018, Trường ĐH Nha Trang | 07 bài báo, 01 báo cáo hội thảo quốc tế                               |
| 6 | Nguyễn Tuấn, Quyền Trưởng Bộ môn Kiểm toán              | GV, 2001 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021 | Kế toán | 2017, Trường ĐH Nha Trang | 01 đề tài, 27 bài báo/báo cáo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín. |

**Bảng 2.8. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo**

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại                      | Chức danh, năm QĐ | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, Chuyên ngành đào tạo   | Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)                         | Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)                                              | Ghi chú                             |
|----|------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Võ Văn Nhị, 1958, GVCC                                     | PGS, 2004         | TS, Việt Nam, 1993           | Kế Toán                       | 1994, Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH)                | 08 đề tài cấp cơ sở, 07 đề tài cấp Bộ, trên 60 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo | Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH) |
| 2  | Hà Xuân Thạch, 1964, GVCC; Giám đốc Cty Sách Kinh Tế - UEH | PGS, 2009         | TS, Việt Nam, 1999           | Kế toán, phân tích tài chính  | 2001, UEH và các ĐH khác như TDTU, LHU, QNU, Hutech, ... | 3 đề tài cấp bộ, 14 đề tài cấp trường, trên 100 bài báo quốc tế, trong nước                     | Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH) |
| 3  | Đường Nguyễn Hưng, 1974, GVCC, Trưởng bộ môn kiểm toán     | PGS, 2016         | Tiến sĩ, Nhật Bản, 2010      | Quản trị kinh doanh – Kế toán | Từ 2010, Trường đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng              | 2 đề tài NCKH cấp ĐH Đà Nẵng, 40 bài báo, 2 bài quốc tế, 3 bài hội thảo quốc tế                 | Đại học Kinh tế Đà Nẵng             |
| 4  | Nguyễn Công Phương, 1971, GVCC,                            | PGS, 2011         | Tiến sĩ, Pháp, 2008          | Kế toán                       | Từ 2009, Trường đại học Kinh tế,                         | 3 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài của Newton                                                            | Đại học Kinh tế Đà Nẵng             |

|   |                                                     |           |                         |                                 |                                             |                                                                                                                                   |                         |
|---|-----------------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|   | Trưởng Khoa                                         |           |                         |                                 | ĐH Đà Nẵng                                  | Fund, 2 đề tài cơ sở; 44 bài báo trong nước, 3 bài báo quốc tế (SSCI, Scopus), tham gia 3 sách chuyên khảo của NXB uy tín quốc tế |                         |
| 5 | Đoàn Ngọc Phi Anh, 1973, GVCC, Trưởng phòng Đào tạo | PGS, 2016 | Tiến sĩ, 2012, Úc       | Kế toán                         | Từ 2012, Trường đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng | 6 đề tài NCKH các cấp, 18 bài báo trong nước, 9 bài quốc tế, 1 giáo trình                                                         | Đại học Kinh tế Đà Nẵng |
| 6 | Trần Thị Cẩm Thanh, 1976, Trưởng Khoa               | PGS, 2015 | TS, Việt Nam, 2007      | Kế toán                         | 2010 (ĐH KTQD); 2012 (ĐH Quy Nhơn)          | 1 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp tỉnh, 7 đề tài cấp cơ sở (đã nghiệm thu), 59 bài báo                                                | Trường Đại học Quy Nhơn |
| 7 | Nguyễn Ngọc Tiến, 1979, Giảng viên chính            | PGS, 2021 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2016 | Kế toán, kiểm toán và phân tích | 2017, Trường Đại học Quy Nhơn               | 5 đề tài các cấp, 1 nhánh đề tài cấp NN, 03 giáo trình, 02 sách chuyên khảo, 60 bài báo (có 13 bài trong danh mục ISI / Scopus)   | Trường Đại học Quy Nhơn |
| 8 | Đinh Thế Hùng, 1977, Phó Viện                       | PGS, 2020 | TS, Việt Nam, 2012      | Kinh tế/ Kế toán, Kiểm toán và  | 2014, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân       | 01 đề tài cấp NN, 03 đề tài cấp Bộ và                                                                                             | Viện Kế toán – Kiểm     |

|   |              |     |                    |           |                                           |                                                                                                                                                   |                                       |
|---|--------------|-----|--------------------|-----------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   | trường       |     |                    | Phân tích |                                           | tương đương, 05 đề tài cấp cơ sở, 07 bài báo tên tạp chí quốc tế (ESCI, Scopus), 25 bài báo trên tạp chí trong nước, hội thảo quốc gia và quốc tế | toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 9 | Trần Anh Hoa | GVC | TS, Việt Nam, 2003 | Kế toán   | 2006, Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH) | Thành viên 1 đề tài cấp Bộ (2007), 5 bài Hội thảo quốc tế, và nhiều bài Hội thảo quốc gia                                                         | Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH)   |

**Bảng 2.9. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo**

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại                            | Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp | Ngành/ Chuyên ngành |
|----|------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1  | PGS.TS. Đặng Xuân Phương, 1975, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học | Tiến sĩ, 2011                    | Kỹ thuật cơ khí     |
| 2  | Đặng Văn Tiên, 1982, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học       | Thạc sĩ                          | Quản kinh doanh     |
| 3  | Trần Thị Thu, 1980, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học        | Thạc sĩ                          | Quản kinh doanh     |
| 4  | Nguyễn Thị Thu Nga, 1978, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học  | Thạc sĩ                          | Kinh tế thủy sản    |
| 5  | Hoàng Hà Giang, 1990, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học      | Thạc sĩ                          | Nuôi trồng thủy sản |

## 2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

### 2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo:

**Bảng 2.10. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo**

| TT | Loại phòng học                        | Số lượng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy           |                      |                                                                                 |
|----|---------------------------------------|----------|-----------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                       |          |                             | Tên thiết bị                                             | Số lượng             | Phục vụ học phần                                                                |
| 1  | Phòng học, giảng đường                | 98       | 25.944                      | - Projector<br>- Âm thanh (bộ)                           | 98<br>98             | Tất cả các học phần lý thuyết                                                   |
| 2  | Phòng học đa phương tiện              | 01       | 120                         | - Máy tính<br>- Projector<br>- Âm thanh (bộ)<br>- Camera | 40<br>01<br>01<br>02 | Tất cả các học phần lý thuyết                                                   |
| 3  | Phòng học ngoại ngữ                   | 01       | 220                         | Máy tính có trang bị âm thanh chuẩn                      | 40                   | Phục vụ các học phần ngoại ngữ                                                  |
| 4  | Phòng máy tính                        | 10       | 1212                        | Máy tính cá nhân                                         | 1300                 | Tất cả các học phần có thực hành mô phỏng hoặc thao tác trực tiếp trên máy tính |
| 5  | Phòng thực hành chứng khoán ảo        | 01       | 60                          | - Projector<br>- Máy tính cá nhân                        | 1<br>40              | Thực hành mô phỏng thị trường chứng khoán và các học phần kinh tế               |
| 6  | Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch | 01       |                             | - Nhà hàng phục vụ điểm tâm, café.                       |                      | Thực hành các nghiệp vụ lễ tân, pha chế                                         |

### 2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

#### a) Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

- Tổng diện tích thư viện: 10.000 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 4.000 m<sup>2</sup>.
- Số chỗ ngồi: 1000.
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 110.
- Phần mềm quản lý thư viện: 2 (VLAS: Quản lý tài liệu văn bản, KIPOS: quản lý Ebooks - Thư viện số).
- Thư viện số: Có.

- Thư viện kết nối với hệ thống thư viện các trường đại học Phía nam (VILASAL).
- Việc tra cứu thư viện thông qua Internet.
- Số lượng sách: 15.000 tên, khoảng 35.000 bản (tài liệu văn bản).
- Tài liệu điện tử: 4.000 tên sách.
- Cơ sở dữ liệu: Wilson, ABSCO, Applied Acience & Technology, Abstracts, Aquatic Sciences and Fisheries Abstracts, Food Science and Technology Abstracts.

**b) Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành đào tạo có tại Thư viện**

| Số TT | Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo             | Tác giả                                          | Nhà xuất bản                         | Năm xuất bản | Số lượng | Tên học phần sử dụng sách, tài liệu |
|-------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------|----------|-------------------------------------|
| 1     | Giáo trình Triết học                                 | Bộ giáo dục và đào tạo                           | Hà Nội : Nxb Lý luận chính trị       | 2007         | 5        | Triết học                           |
| 2     | Giáo trình Triết học                                 | Nguyễn Văn Tài & Nguyễn Văn Sinh                 | Hà Nội : Nxb Đại học Sư Phạm         | 2019         | 5        |                                     |
| 3     | Advanced microeconomic theory                        | Harlow, England; Financial Times / Prentice Hall | Jehle, Geoffrey Alexander            | 2011         | 5        | Kinh tế vi mô ứng dụng              |
| 4     | Kinh tế học vi mô : (Lý thuyết, bài tập và bài giải) | Nguyễn Thanh Minh, Trương Thị Hạnh               | Hà Nội : Nxb Tài chính               | 2013         | 5        |                                     |
| 5     | Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô               | Vũ Kim Dũng (chủ biên) và các tác giả khác       | Hà Nội : Nxb ĐHKQTĐ                  | 2006         | 10       |                                     |
| 6     | Giáo trình kinh tế học vĩ mô                         | Nguyễn Ngọc Thạch, Lý Hoàng Ánh                  | Tp.HCM : Nxb Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | 2014         | 5        | Kinh tế vĩ mô ứng dụng              |
| 7     | Giáo trình Nguyên lý kinh                            | Nguyễn Văn Công (chủ                             | Hà Nội : Nxb Giáo dục Việt           | 2012         | 10       |                                     |

|    |                                                             |                                                                                                 |                                           |      |   |                                      |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------|---|--------------------------------------|
|    | tế học vĩ mô                                                | biên) và các tác giả khác                                                                       | Nam                                       |      |   |                                      |
| 8  | Kinh tế học vĩ mô                                           | David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch; (Nhóm giảng viên khoa Kinh tế học ĐH KTQD dịch) | Hà Nội : Nxb Thống kê                     | 2010 | 3 |                                      |
| 9  | Statistics for management and economics, abbreviated        | Gerald Keller                                                                                   | Mason, OH: South-Western Cengage Learning | 2012 | 2 | Kinh tế lượng ứng dụng               |
| 10 | Econometric analysis                                        | William H. Greene                                                                               | Boston: Prentice Hall                     | 2012 | 2 |                                      |
| 11 | Giáo trình kinh tế lượng                                    | Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (Đồng chủ biên)                                              | Hà Nội : Nxb ĐH Kinh tế quốc dân          | 2013 | 5 |                                      |
| 12 | Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | Nguyễn Đình Thọ                                                                                 | Hà Nội : Nxb Tài chính                    | 2014 | 3 | Phương pháp nghiên cứu trong kế toán |
| 13 | Business research methods : an applied orientation          | S. Sreejesh, Sanjay Mohapatra, M. R. Anusree                                                    | Cham : Springer                           | 2014 | 1 |                                      |
| 14 | Business research methods                                   | Donald R. Cooper, Pamela S. Schindler                                                           | New York, NY : McGraw-Hill/Irwin          | 2014 | 1 |                                      |
| 15 | Những vấn đề cơ bản của Lý                                  | Vũ Hữu Đức                                                                                      | NXB Lao động                              | 2010 | 2 | Lý thuyết kế toán                    |

|    |                                |                                                                                       |                                                  |      |    |                            |
|----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------|----|----------------------------|
|    | thuyết kế toán                 |                                                                                       |                                                  |      |    |                            |
| 16 | Lý thuyết kiểm toán            | Nguyễn Quang Quynh                                                                    | Hà Nội : Tài chính                               | 2001 | 2  |                            |
| 17 | Accounting theory              | Jayne Godfrey, Allan Hodgson, Scott Holmes                                            | John Wiley & Sons.                               | 2006 | 2  |                            |
| 18 | Intermediate accounting        | Donald E. Kieso, Jerry J. Weygandt, Terry D. Warfield.                                | Hoboken, NJ : Wiley                              | 2012 | 1  | Kế toán tài chính nâng cao |
| 19 | Intermediate accounting        | Loren A. Nikolai, John D. Bazley, Jefferson P. Jones.                                 | Australia ; South-Western/Cengage Learning       | 2010 | 1  |                            |
| 20 | Accounting                     | Charles T. Horngren, Walter T. Harrison Jr., M. Suzanne Oliver; (Bùi Thị Thu Hà dịch) | Upper Saddle River, N.J. : Pearson Prentice Hall | 2012 | 2  |                            |
| 21 | Chuẩn mực kế toán Việt Nam     | Bộ Tài chính                                                                          | Hà Nội : Thống kê, Tài chính                     | 2012 | 11 |                            |
| 22 | Giáo trình Kế toán quản trị    | Nguyễn Ngọc Quang (chủ biên) và các tác giả khác                                      | Hà Nội : Nxb Đại học KTQD                        | 2012 | 10 | Kế toán quản trị nâng cao  |
| 23 | Giáo trình Kế toán quản trị    | Đào Thị Thu Giang (Chủ biên) và các tác giả khác                                      | Hà Nội : Nxb Khoa học và Kỹ thuật                | 2012 | 5  |                            |
| 24 | Cost accounting : a managerial | Charles T. Horngren,                                                                  | Upper Saddle River, N.J. :                       | 2012 | 1  |                            |

|    |                                                                                       |                                                                     |                                  |      |    |                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|--------------------------------------------|
|    | emphasis                                                                              | Srikant M. Datar, Madhav V. Rajan.                                  | Pearson/Prentice Hall            |      |    |                                            |
| 25 | Accounting for managers                                                               | William H. Webster; (Bùi Thị Thu Hà dịch)                           | New York : McGraw-Hill           | 2004 | 2  |                                            |
| 26 | Fraud auditing and forensic accounting                                                | G. Jack Bologna                                                     | Hoboken, N.J. : Wiley            | 2006 | 1  | Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo               |
| 27 | Giáo trình Kiểm toán                                                                  | Đổng Thị Vân Hồng                                                   | Hà nội : Nxb Lao động            | 2009 | 1  |                                            |
| 28 | Giáo trình Kiểm toán tài chính                                                        | Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (đồng chủ biên) và những người khác | Hà Nội : Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân | 2012 | 11 |                                            |
| 29 | Accounting information systems                                                        | Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart                               | Boston : Pearson                 | 2012 | 8  | Hệ thống thông tin kế toán                 |
| 30 | Hệ thống Thông tin kế toán                                                            | Nguyễn Phước Bảo Ân (chủ biên) và những người khác                  | Tp. Hồ Chí Minh: Nxb Phương Đông | 2012 | 10 |                                            |
| 31 | Hệ thống thông tin kế toán                                                            | Thiều Thị Tâm, Nguyễn Việt Hưng, Phạm Quang Huy                     | Hà Nội : Nxb Thống kê            | 2008 | 15 |                                            |
| 32 | Wiley IFRS 2010 : interpretation and application of International Financial Reporting | Barry J. Epstein, Eva K. Jermakowicz                                | Hoboken, NJ : Wiley, cop.        | 2010 | 1  | Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) |

|    |                                                                 |                                                                                |                                   |      |    |                                              |
|----|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------|----|----------------------------------------------|
|    | Standards                                                       |                                                                                |                                   |      |    |                                              |
| 33 | International financial reporting standards : a practical guide | Hennie van Greuning                                                            | Wash., D.C. : World Bank          | 2006 | 1  |                                              |
| 34 | International financial reporting standards : a practical guide | Hennie van Greuning, Darrel Scott, Simonet Terblanche                          | Washington, D.C. : World Bank     | 2011 | 1  |                                              |
| 35 | Accounting : tools for business decision making                 | Paul D. Kimmel, Weygandt, Donald E. Kieso                                      | Hoboken, N.J. : Wiley             | 2011 | 1  | Kế toán trong kinh doanh                     |
| 36 | Accounting for business studies                                 | Aneirin Sion Owen                                                              | Oxford : Butterworth-Heinemann    | 2003 | 1  |                                              |
| 37 | Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính                          | Nguyễn Năng Phúc (chủ biên), Nguyễn Ngọc Quang, Nguyễn Văn Công, Phạm Thị Thủy | Hà Nội : Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân  | 2011 | 10 | Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp |
| 38 | Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính                          | Nguyễn Năng Phúc và các tác giả khác                                           | Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân           | 2008 | 6  |                                              |
| 39 | Business valuation and bankruptcy                               | Ian Ratner, Grant Stein, John C. Weitnauer.                                    | Hoboken, N.J. : Wiley             | 2009 | 1  |                                              |
| 40 | Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp                         | Võ Văn Nhị (chủ biên) và những người khác                                      | Tp. Hồ Chí Minh : NXb Phương Đông | 2012 | 10 | Kế toán công                                 |
| 41 | Giáo trình kế toán ngân sách                                    | Phạm Văn Khoan, Phạm                                                           | Hà Nội : NXb Tài chính            | 2012 | 1  |                                              |

|    |                                                                                                                                                             |                                      |                                                        |      |    |                                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|------|----|-----------------------------------------|
|    | nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước                                                                                                            | Văn Liên                             |                                                        |      |    |                                         |
| 42 | Giáo trình Kế toán và thuế trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                      | Phan Đức Dũng                        | Tp Hồ Chí Minh : ĐH quốc gia Tp Hồ Chí Minh            | 2006 | 1  | Thuế và kế toán thuế                    |
| 43 | Chính sách thuế mới 2007 : Quy định mới nhất hướng dẫn thực hiện Luật quản lý thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác | Bộ Tài Chính                         | Hà Nội : Nxb Lao động xã hội                           | 2007 | 5  |                                         |
| 44 | Giáo trình Kế toán quốc tế : Lý thuyết - Bài tập                                                                                                            | Nguyễn Thị Loan, Lý Hoàng Ánh        | Hà Nội : Nxb Lao động                                  | 2013 | 10 | Kế toán quốc tế                         |
| 45 | Comparative international accounting                                                                                                                        | Christopher Nobes and Robert Parker. | Harlow, Essex, England ; Prentice Hall/Financial Times | 2008 | 1  |                                         |
| 46 | International accounting                                                                                                                                    | Timothy Douppnik, Hector Perera      | New York : McGraw-Hill Irwin                           | 2012 | 2  |                                         |
| 47 | Accounting and business ethics : an introduction                                                                                                            | Ken McPhail and Diane Walters.       | London : Routledge                                     | 2009 | 1  | Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán |
| 48 | Luật kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập                                                                                                                | Quốc hội                             | Hà Nội : Lao động                                      | 2011 | 5  |                                         |
| 49 | Đạo đức nghề nghiệp kế toán -                                                                                                                               | Hoàng Ninh Chi, Nguyễn               | Hà Nội: Tạp chí Tài chính                              | 2017 | 1  |                                         |

|    |                                                                                |                                                               |                                        |      |    |                     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|---------------------|
|    | kiểm toán trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0                                 | Thị Thanh Thắm                                                |                                        |      |    |                     |
| 50 | Kiểm soát nội bộ                                                               | Trần Thị Giang Tân (chủ biên) và những người khác             | TP. Hồ Chí Minh: Phương Đông           | 2012 | 5  | Kiểm soát nội bộ    |
| 51 | Sarbanes-Oxley internal controls : effective auditing with AS5, CobiT and ITIL | Robert R. Moeller                                             | Hoboken, NJ : John Wiley & Sons        | 2008 | 1  |                     |
| 52 | Brink's modern internal auditing                                               | Robert R. Moeller.                                            | Hoboken, N.J. : John Wiley & Sons. Inc | 2005 | 1  |                     |
| 53 | Kiểm toán hoạt động                                                            | Vũ Hữu Đức và nhóm tác giả                                    | Tp. HCM : Nxb Phương Đông              | 2010 | 15 | Kiểm toán hoạt động |
| 54 | Giáo trình Kiểm toán hoạt động                                                 | Nguyễn Quang Quynh                                            | Hà Nội: Nxb ĐH Kinh tế quốc dân        | 2009 | 2  |                     |
| 55 | Kiểm toán nội bộ hiện đại : Đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát       | Nguyễn Đại Lực cùng những người khác dịch và hiệu đính        | Hà Nội : Nxb Tài chính                 | 2000 | 1  |                     |
| 56 | Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp                                     | Phạm Quang Trung (chủ biên) và các tác giả khác               | Hà Nội : Nxb ĐH kinh tế quốc dân       | 2011 | 16 | Quản trị tài chính  |
| 57 | Giáo trình Quản trị tài chính                                                  | Nguyễn Quốc Khánh, Chu Hoàng Hà                               | Hà Nội : Thế giới                      | 2012 | 1  |                     |
| 58 | Fundamentals of corporate finance                                              | Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Bradford D. Jordan. | New York, NY : McGraw-Hill/Irwin       | 2013 | 1  |                     |
| 59 | Fundamentals of corporate                                                      | Richard A. Brealey,                                           | New York : McGraw-                     | 2012 | 1  |                     |

|    |                                                                                                            |                                                     |                                       |      |    |                                                          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|------|----|----------------------------------------------------------|
|    | finance                                                                                                    | Stewart C. Myers, Alan J. Marcus.                   | Hill/Irwin                            |      |    |                                                          |
| 60 | Fundamentals of corporate finance                                                                          | Robert Parrino, David S. Kidwell, Thomas W. Bates   | Hoboken, NJ : Wiley                   | 2012 | 1  |                                                          |
| 61 | Thị trường tài chính và các định chế tài chính : (Lý thuyết và thực hành ứng dụng cho thị trường Việt Nam) | Bùi Kim Yến, Nguyễn Minh Kiều                       | Hà Nội : Nxb Tài chính                | 2013 | 5  | Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian |
| 62 | Financial markets and institutions : an introduction to the risk management approach                       | Anthony Saunders, Marcia Millon Cornett.            | Boston; London : McGraw-Hill/Irwin    | 2007 | 1  |                                                          |
| 63 | Foundations of financial markets and institutions                                                          | Frank J. Fabozzi, Franco Modigliani, Frank J. Jones | Boston, MA : Pearson/Addison-Wesley   | 2010 | 1  |                                                          |
| 64 | Tài chính công và phân tích chính sách thuế                                                                | Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài                     | Hà Nội : Nxb Lao động                 | 2020 | 15 | Tài chính công                                           |
| 65 | Tài chính công                                                                                             | Nguyễn Thị Cành và các tác giả khác                 | Tp.HCM : Nxb. Đại học Quốc gia Tp.HCM | 2003 | 5  |                                                          |
| 66 | Public finance                                                                                             | Laurence S. Seidman                                 | Boston : McGraw-Hill/Irwin            | 2009 | 1  |                                                          |
| 67 | Public finance and public                                                                                  | Jonathan Gruber.                                    | New York : Worth Publishers           | 2013 | 1  |                                                          |

|    |                                                                                     |                                                  |                                                   |      |    |                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------|----|-------------------------|
|    | policy                                                                              |                                                  |                                                   |      |    |                         |
| 68 | Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh                                          | Bùi Xuân Hải (Chủ biên) và các tác giả khác      | Tp.HCM : Nxb Hồng Đức                             | 2018 | 7  | Luật kinh doanh         |
| 69 | Giáo trình Luật kinh tế                                                             | Lê Văn Hưng và những người khác                  | Tp Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh  | 2014 | 1  |                         |
| 70 | Giáo trình Pháp luật kinh tế                                                        | Nguyễn Hợp Toàn và các tác giả khác              | Hà Nội : Nxb ĐH Kinh tế Quốc Dân                  | 2008 | 10 |                         |
| 71 | Giáo trình Luật Thương mại quốc tế                                                  | Trần Văn Nam (chủ biên) và những người khác      | Hà Nội : Nxb ĐH Kinh tế Quốc Dân                  | 2013 | 5  | Luật thương mại quốc tế |
| 72 | Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế                                         | Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn | Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2011 | 9  |                         |
| 73 | Giáo trình Luật Thương mại Quốc tế                                                  | Trần Việt Dũng (chủ biên) và những người khác    | Hà Nội : Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam         | 2013 | 5  |                         |
| 74 | Best practice in corporate governance : building reputation and sustainable success | Adrian Davies.                                   | Aldershot, Hants, England ; Gower                 | 2006 | 1  | Quản trị công ty        |
| 75 | Cases in corporate governance                                                       | Robert Wearing                                   | London ; SAGE                                     | 2005 | 1  |                         |
| 76 | Giáo trình Quản trị doanh nghiệp                                                    | Ngô Kim Thanh và                                 | Hà Nội : Đại học Kinh tế Quốc dân                 | 2013 | 10 |                         |

|    |                                                                        |                                                                   |                                         |      |    |                     |
|----|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------|----|---------------------|
|    |                                                                        | những người khác                                                  |                                         |      |    |                     |
| 77 | Giáo trình Quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh                | Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Việt Long, Đỗ Thị Thanh Vinh, Nguyễn Kim Nam | NXB Phương Đông                         | 2013 | 10 | Quản trị chiến lược |
| 78 | Giáo trình Quản trị chiến lược                                         | Ngô Kim Thanh, Trương Đức Lực                                     | Đại học Kinh tế Quốc Dân                | 2012 | 16 |                     |
| 79 | Strategic management and business policy: toward global sustainability | Thomas L. Wheelen, J. David Hunger                                | Pearson Prentice Hall                   | 2012 | 2  |                     |
| 80 | Strategic management: concepts and cases                               | Fred R. David                                                     | Upper Saddle River, N.J.: Prentice Hall | 2011 | 2  |                     |
| 81 | Principles of strategic management                                     | Tony Morden                                                       | Aldershot: Ashgate                      | 2007 | 2  |                     |
| 82 | Routledge Handbook of Environmental Accounting                         | Bebbington, J., Larrinaga, C., O'Dwyer, B., & Thomson             | Routledge                               | 2021 | 1  | Kế toán môi trường  |
| 83 | Contemporary environmental accounting: issues, concepts and practice   | Schaltegger, S., & Burritt, R.                                    | Routledge                               | 2017 | 1  |                     |
| 84 | Environmental accounting and reporting. CSR, Sustainability            | Baldarelli, M. G., Del-Kiosseva, M., & Nesheva, N.                | Ethics & Governance                     | 2017 | 1  |                     |

**c) Danh mục tạp chí của ngành đào tạo**

**Bảng 2.11. Danh mục tạp chí của ngành đào tạo**

| <b>Tên tạp chí trong nước</b> |                                                                                           | <b>Nhà xuất bản</b>                                             |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1                             | Các tạp chí chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán; Tài chính; Tạp chí Kinh tế và kinh doanh.   | Trong danh mục quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước |
| <b>Các tạp chí ngoài nước</b> |                                                                                           | <b>Tên tổ chức</b>                                              |
| 1                             | Tạp chí chuyên ngành quản trị kinh Kế toán – Kiểm toán; Tài chính; Kinh tế và Kinh doanh. | Các trường Đại học trên thế giới                                |
| 2                             | Tạp chí chuyên ngành quản trị kinh Kế toán – Kiểm toán; Tài chính; Kinh tế và Kinh doanh. | Trong danh mục quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước |

#### 2.3.4. Phòng học, giảng đường

**Bảng 2.12. Hệ thống phòng học và giảng đường**

| <b>TT</b>        | <b>Giảng đường</b> | <b>Số phòng học</b> | <b>Ghi chú</b>                                   |
|------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------------|
| 1                | G1                 | 5                   |                                                  |
| 2                | G2                 | 15                  |                                                  |
| 3                | G3                 | 15                  |                                                  |
| 4                | G4                 | 6                   |                                                  |
| 5                | G5                 | 8                   |                                                  |
| 6                | G6                 | 10                  |                                                  |
| 7                | G7                 | 21                  |                                                  |
| 8                | C                  | 18                  | Phòng học dưới 50 chỗ chuyên phục vụ lớp cao học |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>98</b>           |                                                  |

#### 2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

#### 2.4.1. Đề tài khoa học đã thực hiện:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa KTTC có sự phát triển vượt bậc trong những năm gần đây. Một số giảng viên của Khoa KTTC đã chủ nhiệm và tham gia các đề tài nghiên cứu. Một số đề tài khoa học điển hình trong 05 gần đây được liệt kê dưới đây:

**Bảng 2.13. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến các ngành đào tạo (trong 5 năm gần đây)**

| TT | Tên đề tài                                                                                                                              | Cấp quyết định, mã số | Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu | Kết quả nghiệm thu |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|--------------------|
| 1  | Ảnh hưởng của đặc điểm công ty đến sai lệch báo cáo tài chính giữa trước và sau khi được kiểm toán của các công ty niêm yết ở Việt Nam. | Cấp Trường            | 7/2017                                 | Tốt                |
| 2  | Xây dựng cấu trúc vốn mục tiêu cho các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.                        | Cấp Trường            | 7/2019                                 | Xuất sắc           |
| 3  | Phân tích tác động của Kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát các chi nhánh Ngân hàng thương mại Việt Nam                              | Cấp Trường            | 7/2019                                 | Tốt                |
| 4  | Các nhân tố tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch tỉnh Khánh hòa                                     | Cấp Trường            | 2021                                   | Tốt                |
| 5  | Nghiên cứu kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn thành phố Nha Trang                             | Cấp Trường            | 2021                                   | Đang thực hiện     |

#### 2.4.2. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn:

**Bảng 2.14. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn**

| <b>TT</b> | <b>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên</b> | <b>Họ tên, chức danh, học vị người có thể hướng dẫn học viên</b>                                                             | <b>Số lượng học viên có thể tiếp nhận</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1         | Tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị                                     | TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Thị Hiền | 10                                        |
| 2         | Kế toán trách nhiệm trong các đơn vị                                        | TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo                                                                          | 4                                         |
| 3         | Kế toán quản trị trong các đơn vị                                           | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Nguyễn Thị Hiền                               | 8                                         |
| 4         | Kế toán môi trường trong các đơn vị                                         | TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo                                                                          | 4                                         |
| 5         | Kiểm soát nội bộ trong các đơn vị                                           | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần            | 10                                        |
| 6         | Kiểm soát quản lý trong các đơn vị                                          | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần            | 10                                        |
| 7         | Kiểm soát hoạt động trong các đơn vị                                        | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn                                                     | 10                                        |

|    |                                                                                                                                            |                                                                                                                                          |    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
|    |                                                                                                                                            | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần                                                                                                    |    |
| 8  | Công bố thông tin trách nhiệm xã hội, thông tin môi trường, thông tin tự nguyện trong các doanh nghiệp                                     | TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Thành Cường                                    | 8  |
| 9  | Vận dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các ước tính kế toán vào các đơn vị                                                 | TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo                                                              | 6  |
| 10 | Vận dụng chuẩn mực Kế toán công quốc tế trong việc trình bày Báo cáo tài chính công tại Việt Nam                                           | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo                                    | 8  |
| 11 | Các vấn đề về tài chính công ty: Phân tích tài chính, hiệu quả kinh doanh, hiệu quả hoạt động, quản trị tài sản, định giá doanh nghiệp,... | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần<br>TS. Nguyễn Hữu Mạnh<br>TS. Nguyễn Tuấn | 12 |
| 12 | Các vấn đề về chất lượng thông tin trong báo cáo tài chính của các công ty                                                                 | TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Võ Văn Cần                                                                          | 6  |
| 13 | Kiểm toán Báo cáo tài chính, Kiểm toán toán tuân thủ, Kiểm toán hoạt động, Kiểm toán xây dựng cơ bản của các công ty kiểm toán độc lập     | TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Văn Hương                                                                        | 6  |
| 14 | Quản trị lợi nhuận tại các doanh nghiệp                                                                                                    | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Văn Hương                                                                                           | 4  |
| 15 | Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp                                                                              | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn                                                                                                | 4  |
| 16 | Các vấn đề liên quan đến lập dự toán tại doanh nghiệp                                                                                      | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần                                                                                                    | 4  |
| 17 | Công tác quản lý thu thuế tại các cục, chi cục thuế                                                                                        | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần<br>TS. Nguyễn Thành Cường                                           | 10 |

|  |  |                 |  |
|--|--|-----------------|--|
|  |  | TS. Nguyễn Tuấn |  |
|--|--|-----------------|--|

### 2.4.3. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu:

**Bảng 2.15. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu trong 5 năm gần đây**

| STT | Tên công trình                                                                                                                    | Tên tác giả                                                                                     | Nguồn công bố                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Effect of emotional intelligence on auditors' judgment and audit sustainability: Empirical evidence from Vietnam                  | Hai-Thanh Phan, Phu-Huu Nguyen, <b>Cuong-Thanh Nguyen</b> , Tien-Thuy Thi Vo, Tung-Thanh Nguyen | Problems and Perspectives in Management, Volume 19, Issue 2, 2021, pp.333-345 (SCOPUS)         |
| 2   | Optimal level, Partial Speed of Adjustment and Determinants of Corporate Cash Holding: Evidence from MENA Countries.              | Raghibi, A., <b>Nguyen Thanh Cuong</b> , & Oubdi, L                                             | Indonesian Capital Market Review, 13 (2021), pp. 26-38. (ESCI)                                 |
| 3   | Stock market liquidity, the great lockdown and the COVID-19 global pandemic nexus in MENA countries. Review of Behavioral Finance | Mdaghri, A. A., Raghibi, A., <b>Nguyen Thanh Cuong</b> , & Oubdi, L                             | Review of Behavioral Finance (2020), Vol. 13 No.1, pp. 51-68. (ESCI, SCOPUS)                   |
| 4   | Optimal Cash Holding Ratio for Non-Financial Firms in Vietnam Stock Exchange Market                                               | <b>Nguyen Thanh Cuong</b>                                                                       | Journal of Risk and Financial Management (2019), 12, 104, pp 1-13; (ESCI)                      |
| 5   | Corporate Capital Structure Adjustments: Evidence from Vietnam Stock Exchange Market.                                             | <b>Nguyen Thanh Cuong</b> , Bui Manh Cuong, Pham Dinh Tuan                                      | The Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB), 2019, 6.3: 41-53. (ESCI, SCOPUS) |
| 6   | Modeling Stock Price Volatility: Empirical Evidence from the Ho Chi Minh City Stock                                               | <b>Nguyen Thanh Cuong</b> , <b>Nguyen Huu Manh</b>                                              | The Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB), 2019, 6.3: 19-26. (ESCI,         |

|    |                                                                                                                                              |                                                     |                                                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Exchange in Vietnam.                                                                                                                         |                                                     | SCOPUS)                                                                                  |
| 7  | Effectiveness of Investment Strategies Based on Technical Indicators: Evidence from Vietnamese Stock Markets                                 | <b>Nguyen Thanh Cuong,</b><br>Phan Huy Tam          | Journal of Insurance and Financial Management, Vol. 3, Issue 5 (2018). pp.55-68.         |
| 8  | Influence of Financial Ratios on Earnings Management: Evidence from Vietnam Stock Exchange Market                                            | <b>Nguyen Thanh Cuong,</b><br>Nguyen Thi Thanh Ha   | Journal of Insurance and Financial Management, Vol. 4, Issue 1 (2018). pp.57-77.         |
| 9  | Measuring and Assessing the Quality of Information on the Annual Reports: The Case of Seafood's Companies Listed on the Vietnam Stock Market | <b>Nguyen Thanh Cuong,</b> and Do Thi Ly            | International Research Journal of Finance and Economics (SCOPUS), Issue 160, 2017        |
| 10 | Working Capital Requirement and Profitability: Evidence from Seafood Processing Enterprises in the Khanh Hoa Province of Vietnam             | <b>Nguyen Thanh Cuong</b> and Nguyen Thi Hong Nhung | International Research Journal of Finance and Economics, Issue 146, 92-99, 2016 (SCOPUS) |
| 11 | The Determinants of Working Capital Requirement and Speed of Adjustment: Evidence from Vietnam's Seafood Processing Enterprises              | <b>Nguyen Thanh Cuong</b> and Bui Manh Cuong        | International Research Journal of Finance and Economics, Issue 147, 88-98. 2016 (SCOPUS) |
| 12 | Firm Characteristics and Capital Structure Decision: Evidence from Seafood Processing Enterprises in the South Central Region of Vietnam     | <b>Nguyen Thanh Cuong</b> & Nguyen Hong Thang       | Research Journal of Finance and Accounting, 6(8), 2015, pp. 69-84.                       |

|    |                                                                                                                        |                                                                  |                                                                                                                                      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Cấu trúc vốn của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam.                         | <b>Nguyễn Thành Cường,</b><br>Bùi Mạnh Cường &<br>Phạm Đình Tuấn | Tạp chí công thương, Số 11 - Tháng 6/2019. Trang 435-440.                                                                            |
| 14 | Giải Pháp hoàn thiện công tác quản lý Ngân sách tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng                                       | <b>Nguyễn Thành Cường</b><br>& Huỳnh Văn Lẫm                     | Tạp chí công thương, Số 23 - Tháng 9/2020. Trang 352-360.                                                                            |
| 15 | Giải pháp chống thất thu thuế giá trị gia tăng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc                                          | <b>Nguyễn Thành Cường</b><br>& Trương Hồng Sơn                   | Tạp chí công thương, Số 23 - Tháng 9/2020. Trang 427-434.                                                                            |
| 16 | Literature review: The impact of Management accounting practices on firm's performance                                 | Pham Dinh Tuan, Doan Ngoc Phi Anh, <b>Nguyen Thanh Cuong</b>     | The 6th International Conference on Accounting and Finance (ICOAF 2021), June 11th, 2021, DaNang City, Vietnam                       |
| 17 | Áp lực lợi nhuận và báo cáo tài chính được trình bày lại: Bằng chứng ở Việt Nam                                        | <b>Nguyễn Văn Hương</b>                                          | Tạp chí kinh tế & phát triển, 229, 35 – 42, (2016)                                                                                   |
| 18 | Ảnh hưởng của đặc điểm công ty đến sự điều chỉnh lợi nhuận sau kiểm toán: Trường hợp các công ty niêm yết tại Việt Nam | Nguyễn Việt và <b>Nguyễn Văn Hương</b>                           | Tạp chí Phát triển Kinh tế 28(5), 32-55, (2017)                                                                                      |
| 19 | Tax Policy Changes and Earnings Management: The Case Of Vietnam                                                        | <b>Nguyen Van Hương</b>                                          | The 3rd International Conference on Finance and Economics (ICFE 2016), 479 – 487, June 15th - 17th, 2016, Ho Chi Minh City, Vietnam. |
| 20 | Lợi ích của việc áp dụng IFRS, bằng chứng từ các quốc gia đi trước và động lực cho việc áp dụng IFRS ở Việt Nam        | <b>Nguyễn Văn Hương</b>                                          | Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, 79-82, (2020)                                                                                           |

|    |                                                                                                                                  |                                            |                                                                                                                                                                                             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính                                                             | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đặng Thị Tâm Ngọc   | Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, số 7/2015 (142), tr 40-46                                                                                                                                      |
| 22 | Modeling the Influence of Internal Control on the Performance and Risk of Vietnamese Commercial Banks                            | <b>Nguyen Tuan,</b><br>Duong Nguyen Hung   | Conference Proceedings of The International Conference of Accounting 2015 (ICOA 2015), The University of Economics-Danang University, No.15-049, ISBN: 978-604-840781-0, 05-2015            |
| 23 | Tổng quan lý thuyết về tác động của Kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động và rủi ro các Ngân hàng thương mại Việt Nam          | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đường Nguyễn Hưng   | Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, ISSN: 1859-3682, số 113, tháng 08/2015                                                                                                                         |
| 24 | Studying the Impact of Internal Control on the Performance and Risk of Vietnamese Commercial Banks                               | <b>Nguyen Tuan,</b><br>Duong Nguyen Hung   | Conference Proceedings of The International Conference of Accounting & Finance 2016 (ICOAF 2016), The University of Economics-Danang University, No. II-9, ISBN: 978-604-84-1563-1, 05-2016 |
| 25 | Studying the Impact of Internal Control on the Performance and Risk of Vietnamese Commercial Banks                               | <b>Nguyen Tuan</b>                         | International Research Journal of Finance and Economics, ISSN: 1450-2887, Issue 151, 08-2016, pp. 90-101, Scopus                                                                            |
| 26 | Phân tích tác động của kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát tại Ngân hàng thương mại Việt Nam-Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đặng Hoàng Xuân Huy | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, “Những tư tưởng Kinh tế, Quản trị hiện đại và Khả năng vận dụng khi Việt Nam tham gia AEC và TPP”, ISBN: 978-604-73-4626-4, tháng 09-2016                 |

|    |                                                                                                                                             |                                            |                                                                                                                                                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27 | Ảnh hưởng Kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát Ngân hàng thương mại Việt Nam                                                             | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đường Nguyễn Hưng   | Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 1859-1914, số 157, tháng 10/2016                                                                                                 |
| 28 | Kiểm soát nội bộ đối với hiệu quả hoạt động và rủi ro phá sản tại các ngân hàng thương mại Việt Nam                                         | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đường Nguyễn Hưng   | Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, ISSN: 1859-3682, số 132, tháng 03/2017                                                                                                 |
| 29 | Đo lường mức độ ảnh hưởng các nhân tố đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hoà | Nguyễn Thị Thuỷ,<br><b>Nguyễn Tuấn</b>     | Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 1859-1914, số 163, tháng 04/2017                                                                                                 |
| 30 | Phân tích ảnh hưởng của Kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát Ngân hàng thương mại Việt Nam                                               | <b>Nguyễn Tuấn,</b><br>Đường Nguyễn Hưng   | Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012, số 247, tháng 01/2018                                                                                                |
| 31 | Phân tích ảnh hưởng hệ thống kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Lâm Đồng                      | Vương Thị Khánh Chi,<br><b>Nguyễn Tuấn</b> | International Conference Proceedings “BUILDING & IMPLEMENTING AN EFFECTIVE INTERNAL AUDIT FUNCTION IN VIETNAM AND AROUND THE WORLD”, ISBN: 978-604-79-1889-8 (2018) |
| 32 | Effects of economic and non-economic factors on domestic tourism demand – A general-to-specific approach.                                   | <b>Võ Văn Cẩn</b>                          | Asean journal on Hospitality and Tourism, Volume 12, Number 2, 2015, pp 163-179                                                                                     |
| 33 | Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các DN thủy sản có vốn FDI tại tỉnh Khánh Hòa.                                            | <b>Võ Văn Cẩn</b>                          | Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 139, tháng 10/2017, trang 86-97.                                                                                                    |

|    |                                                                                                                                                   |                                                             |                                                                                                                                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 34 | Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.                                                                                 | <b>Võ Văn Cần</b> , Vĩnh Thông và Lê Quốc Thành             | Tạp chí Công thương, số 2/2020, trang 316-327.                                                                                                       |
| 35 | Hoàn thiện công tác quản lý thu phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước – Trường hợp tỉnh Khánh Hòa.                             | <b>Võ Văn Cần</b> , Vĩnh Thông và Lê Quốc Thành             | Tạp chí Công thương, số 4/2020, trang 218-224.                                                                                                       |
| 36 | Hoàn thiện quản lý chấp hành chi đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.                                                                   | Nguyễn Thị Liên Hương và <b>Võ Văn Cần</b>                  | Tạp chí Tài chính, số 740, tháng 11/2020, trang 115-117                                                                                              |
| 37 | Ứng dụng mô hình FGLS trong kiểm định sự ảnh hưởng của các nhân tố tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch tỉnh Khánh Hòa. | <b>Võ Văn Cần</b> , Hoàng Văn Tuấn và Nguyễn Thị Liên Hương | Tạp chí Công thương, số 08, tháng 4/2021, trang 355-361.                                                                                             |
| 38 | Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của công ty trên HOSE.                                                                          | <b>Võ Thị Thùy Trang</b>                                    | Tạp chí Kinh tế và Dự báo số chuyên đề 11/2015, ISSN 0866-7120, trang 46 – 48. Năm 2015                                                              |
| 39 | Tiêu chuẩn đánh giá trách nhiệm xã hội trong kinh doanh                                                                                           | <b>Võ Thị Thùy Trang</b>                                    | Tạp chí công thương, số 27 tháng 11/2020, ISSN: 0866-7756, trang 173 - 178                                                                           |
| 40 | Determinants of disclosure levels in the annual reports of firms listed on HOSE.                                                                  | <b>Võ Thị Thùy Trang</b>                                    | International Research Journal of Finance and Economics, Issue 153. Page: 42 – 54. Year 2016                                                         |
| 41 | The disclosure in the annual reports by the listed companies on the Ho Chi Minh stock exchange.                                                   | Nguyen Cong Phuong and <b>Vo Thi Thuy Trang</b>             | International Journal of Business and Social Science, ISSN 2219-1933 (Print), 2219-6021 (Online) Vol. 6 No. 12; 12/2015. Page: 117 – 126. Year 2015. |

|    |                                                                                                              |                                                       |                                                                                                                                                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 42 | The Effect of State Capital Factor on the Operational Effectiveness of Hose – Listed Companies.              | <b>Võ Thị Thùy Trang</b> và Nguyễn Thị Thùy Trang     | International Research Journal of Finance and Economics, Issue 166, March 2018, tr 63 – 68                                                         |
| 43 | Coefficient-Based Salary Calculation in Seafood Processing Enterprises “Actual Situation at Hai Vuong Group” | <b>Vo Thi Thuy Trang</b> and Nguyen Thi Thuy Trang    | 3rd International Conference on Finance, Accounting and Auditing; ICFAA 2020; National Economics University Publish House                          |
| 44 | Sự phát triển của giá trị hợp lý                                                                             | <b>Nguyễn Bích Hương Thảo</b> & Phan Thị Dung         | Hội thảo “Kế toán, Kiểm toán Việt Nam 20 năm cải cách và hội nhập”, Hội thảo khoa học cấp quốc gia về Kế toán, kiểm toán, Tháng 11/2016, tr 90-96. |
| 45 | Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kế toán kiểm toán cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập           | Nguyễn Thị Liên Hương & <b>Nguyễn Bích Hương Thảo</b> | Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, Số 2, Tháng 6/2017                                                                                              |
| 46 | Thực trạng tổ chức kế toán quản trị: Trường hợp các doanh nghiệp chế biến thủy sản ở Việt Nam                | <b>Nguyễn Bích Hương Thảo</b>                         | Tạp chí Kinh tế & Dự báo, số 18(2019), trang 151-155                                                                                               |
| 47 | Các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp sản xuất                               | <b>Nguyễn Bích Hương Thảo</b>                         | Tạp chí Công thương, số 5(2021), trang 357-361                                                                                                     |
| 48 | Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn ngân hàng – những vấn đề đặt ra.                                        | <b>Nguyễn Hữu Mạnh</b>                                | Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 9/2016.                                                                                                              |
| 49 | Động cơ và rào cản trong quá trình cải cách thuế: Nhìn từ Luật thuế sử dụng Đất phi nông nghiệp.             | <b>Nguyễn Hữu Mạnh</b>                                | Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 7/2017.                                                                                                               |

|    |                                                                                                                                 |                                                                                                               |                                                                                                                                           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 50 | Sustainability of Both Pecking Order and Trade-off Theories in Chinese Manufacturing Firms.                                     | <b>Nguyen Huu Manh</b> ,<br>Vuong Thi Huong Giang,<br>Nguyen Thi Huong, Wu<br>Yang Che, & Wing-<br>Keung Wong | Special Issue "Behavioral Business and Behavioral Financial Economics with Applications",<br>Sustainability 2020, 12(9), 3883             |
| 51 | Revenue Diversification and Banking Risk: Does The State Ownership Matter? Evidence from an Emerging Market.                    | Vuong Thi Huong Giang,<br><b>Nguyen Huu Manh</b>                                                              | Annals of Financial Economics; DOI<br><a href="https://doi.org/10.1142/S2010495220500190">https://doi.org/10.1142/S2010495220500190</a> ) |
| 52 | Công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà                                 | Bùi Thị Hồng Viện,<br><b>Nguyễn Thị Hiền</b> , Mai<br>Diễm Lan Hương                                          | Tạp chí Khoa học Công nghệ Thuỷ sản - Trường ĐHNT số 1.2015                                                                               |
| 53 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng căn hộ chung cư tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà | Trần Văn Châu, <b>Nguyễn Thị Hiền</b>                                                                         | Tạp chí Khoa học Công nghệ Thuỷ sản - Trường ĐHNT số 2.2015                                                                               |
| 54 | Hoàn thiện công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại tỉnh Khánh Hoà          | Cao Thanh Vũ, <b>Nguyễn Thị Hiền</b>                                                                          | Tạp chí Khoa học Công nghệ Thuỷ sản - Trường ĐHNT số 2.2015                                                                               |
| 55 | Hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên của các đơn vị thuộc ngành nông nghiệp tại Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa            | Nguyễn Thị Minh Hiền,<br><b>Nguyễn Thị Hiền</b>                                                               | Tạp chí Khoa học Công nghệ Thuỷ sản - Trường ĐHNT số 3.2015                                                                               |
| 56 | Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa                          | Nguyễn Thị Liên,<br><b>Nguyễn Thị Hiền</b>                                                                    | Tạp chí Khoa học Công nghệ Thuỷ sản - Trường ĐHNT số 3.2015                                                                               |

|    |                                                                                                                                                                      |                                               |                                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 57 | Economic Efficiency of Extensive and Intensive Shrimp Production under Conditions of Disease and Natural Disaster Risks in Khánh Hòa and Trà Vinh Provinces, Vietnam | <b>Nguyen Thi Tram Anh</b><br>(Đồng tác giả)  | Sustainability, 2020, ISSN:2071-1050 (SSCI)                              |
| 58 | Collective Action Governance and Benefits Distribution in the Sturgeon Value Chain in Lâm Đồng Province, Vietnam                                                     | <b>Nguyen Thi Tram Anh</b><br>(Tác giả chính) | Aquaculture, 2019, ISSN:0044-8486 (SCIE)                                 |
| 59 | Global Value Chain and Food Safety and Quality Standards of Vietnam Pangasius Exports                                                                                | <b>Nguyen Thi Tram Anh</b><br>(Tác giả chính) | Aquaculture Reports, 2019, ISSN: 2352-5134 (SCIE)                        |
| 60 | Is SuperIntensification the Solution to Shrimp Production and Export Sustainability?                                                                                 | <b>Nguyen Thi Tram Anh</b><br>(Tác giả chính) | Sustainability, 2019, ISSN: 2071-1050 (SSCI)                             |
| 61 | Diverse Cooperative Field Membership and SmallScale Producers' Access to Certification                                                                               | <b>Nguyen Thi Tram Anh</b><br>(Tác giả chính) | Reviews in Fisheries Science & Aquaculture, 2019, ISSN: 2330-8257 (SCIE) |

## 2.5. Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn đầu từ khi thành lập cho đến năm 1975, Nhà trường đã hợp tác các đối tác Trung Quốc, Cộng hòa dân chủ Đức về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản. Từ khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước đến nay, Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương, đa lĩnh vực với nhiều trường đại học, nhiều tổ chức đào tạo, nghiên cứu trên thế giới. Trong những năm gần đây, các mối quan hệ hợp tác tập trung vào mục tiêu nâng cao năng lực của Trường thông qua việc liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học,

trao đổi thông tin khoa học, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Cho đến nay, Trường Đại học Nha Trang đã thiết lập được các mối quan hệ chặt chẽ với hơn 40 tổ chức quốc tế, các trường, viện trên thế giới và khu vực như: Na Uy, Đan Mạch, Séc, Aixolen, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Pháp, Trung Quốc, Nhật, Ấn Độ, Canada, Mỹ, Úc và các nước trong khối ASEAN... Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường đã từng bước được nâng cao, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng được tăng cường.

Dưới đây là danh mục các dự án, chương trình hợp tác Quốc tế của Trường Đại học Nha Trang từ năm 1998 đến nay (\*):

**Bảng 2.16. Danh mục các dự án, chương trình hợp tác Quốc tế**

| TT | Tên dự án                                                                    | Mục đích                                                                                                                                                                                                                | Nhà tài trợ        | Thời gian | Kinh phí      |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|
| 1  | Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 1) | Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT được nâng cao. Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố. | NORAD              | 2003-2006 | 2.170.000 USD |
| 2  | Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 1)  | Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hòa được nâng cao.                                                                                             | AECI – Tây Ban Nha | 2005-2006 | 39.200 EURO   |
| 3  | Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 2)  | Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hòa được nâng cao.                                                                                             | AECI – Tây Ban Nha | 2006-2007 | 11.000 Euro   |

|   |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                           |                         |                            |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 4 | Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế - Quản lý thủy sản và Nuôi trồng thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho học viên các kỹ năng quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh, phục vụ cho sự phát triển KT-XH</li> <li>- Nâng cao năng lực cho cán bộ giảng dạy của ĐHNT.</li> </ul>                                                                                 | CP Na Uy thông qua Trường ĐH Tromsø Na Uy | 2007-2012               | Kinh phí cấp theo từng năm |
| 5 | Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 2)                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH &amp; MT, Khoa Khai thác được nâng cao.</li> <li>- Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố.</li> </ul> | NORAD                                     | 2009-2011               | 13.200.000 NOK             |
| 6 | Hợp tác với chương trình Fulbright Việt Nam (ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam)                                  | Tập huấn nâng cao các kỹ năng cho các cán bộ và giáo viên của Trường.                                                                                                                                                                                                                                      | ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam                     | 2011 đến nay            |                            |
| 7 | Dự án Ohio – Hợp tác với Trung tâm GLC Ohio (Mỹ)                                                     | Đào tạo nghiệp vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp hàng năm cho hơn 50 sinh viên 2 trường ĐH Ohio và ĐH Nha Trang.                                                                                                                                                                                               | ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam                     | Từ 2009 đến 2013        |                            |
| 8 | Chương trình hợp tác với AUF và các đối tác ĐH ở Pháp                                                | Chương trình cử nhân song ngữ ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành                                                                                                                                                                                                              | Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF)            | Từ tháng 6/2013 đến nay |                            |

|   |                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                   |                                |                              |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--|
|   |                                                                                                                                       | Chương trình thạc sĩ quốc tế Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành                                                                                                                                            | Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) | Từ tháng 6/2017 đến nay      |  |
|   |                                                                                                                                       | Chương trình trao đổi sinh viên, hỗ trợ đào tạo NCS                                                                                                                                                                               | ĐH Nouvelle-Caledonie          | Từ 10/2011                   |  |
|   |                                                                                                                                       | Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo                                                                                                                                                                                 | ĐH Perpignan                   | Từ 6/2013                    |  |
|   |                                                                                                                                       | Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo                                                                                                                                                                                 | ĐH Toulon Var                  | Từ 7/2016                    |  |
|   |                                                                                                                                       | Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo                                                                                                                                                                                 | ĐH Orléans                     | Từ 9/2016                    |  |
| 9 | Dự án NORHED: Incorporating Climate Change into Ecosystem Approaches to Fisheries and Aquaculture Management in Sri Lanka and Vietnam | Strengthening education and research capacity in climate change and natural resource management in the two institutions in Vietnam and Sri Lanka.<br>Chương trình đào tạo thạc sĩ "Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu" | NORAD                          | September 2014-December 2019 |  |

### **Phần III**

## **CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

|                       |                                 |
|-----------------------|---------------------------------|
| Ngành đào tạo:        | <b>KẾ TOÁN</b>                  |
| Mã số:                | <b>8340301</b>                  |
| Chương trình đào tạo: | <b>Kế toán</b>                  |
| Tên cơ sở đào tạo:    | <b>Trường Đại học Nha Trang</b> |
| Trình độ đào tạo:     | <b>Thạc sĩ</b>                  |

### **3.1. Chương trình đào tạo**

#### **3.1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo**

- Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học
- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn Chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Nha Trang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang.
- Quyết định số 117/QĐ-ĐHNT ngày 12/2/2018 về việc quy định cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Nha Trang
- Quyết định số 777/QĐ-ĐHNT ngày 06/7/2018 của Hiệu Trường về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.
- Quyết định số 519/QĐ-ĐHNT ngày 18/5/2021 của Hiệu Trường về việc thành

lập hội đồng xây dựng mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán của Trường Đại học Nha Trang.

- Nghị quyết số 643/NQ-ĐHNT ngày 23/6/2021 của Hội đồng Trường về chủ trương mở ngành Thạc sĩ Kế toán tại Trường Đại học Nha Trang.

### **3.1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo**

#### **3.1.2.1. Mục tiêu đào tạo:**

##### ***a) Mục tiêu chung:***

Đào tạo thạc sĩ kế toán theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện nguyên lý trong kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp; phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; giải quyết tốt những vấn đề mới về khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; có khả năng hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

##### ***b) Mục tiêu cụ thể:***

Thạc sĩ kế toán theo định hướng ứng dụng sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ:

- **Kiến thức:**

- PEO 1: Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp
- PEO 2: Có kiến thức chung về quản trị, quản lý và kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp

- **Kỹ năng:**

- PEO 3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp
- PEO 4: Có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp
- PEO 5: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp.
- PEO 6: Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi.

- **Thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- PEO 7: Có lối sống trung thực, thái độ khách quan, có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán và đề xuất những sáng kiến có giá trị

- PEO 8: Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận về chuyên môn kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp

- PEO 9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn

### **3.1.2.2. Chuẩn đầu ra**

Thạc sỹ kế toán theo định hướng ứng dụng khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

- **Kiến thức:**

- (i). Kiến thức tổng quát:*

- PLO 1: Vận dụng được những kiến thức nền tảng về quản trị và quản lý
  - PLO 2: Vận dụng các phần mềm, công nghệ thông tin và các công cụ thống kê để giải quyết công việc kế toán.

- PLO 3: Vận dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc của kế toán.

- (ii) Kiến thức nghề nghiệp:*

- PLO 4: Vận dụng những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, quản trị công ty.

- PLO 5: Triển khai thực hiện được công tác kế toán, thuế, kiểm toán ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

- PLO 6: Vận dụng sáng tạo các nguyên tắc kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính trong đánh giá và tư vấn.

- PLO 7: Phân tích các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính của tổ chức.

- **Kỹ năng:**

- (i) Kỹ năng cơ bản*

- PLO 8: Có năng lực dẫn dắt, điều hành, có khả năng phối hợp, làm việc nhóm
  - PLO 9: Có kỹ năng tổ chức ứng dụng các nguyên lý vào thực tiễn
  - PLO 10: Sử dụng tiếng Anh thông thạo trong giao tiếp và chuyên môn, đạt chuẩn B2.

- (ii) Kỹ năng nghề nghiệp*

- PLO 11: Có kỹ năng vận dụng kiến thức kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính

vào doanh nghiệp và các tổ chức khác

- PLO 12: Vận dụng tốt các nguyên lý kế toán, kiểm toán để giải quyết tốt những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- PLO 13: Có khả năng tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn

- **Thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- PLO 14: Có thái độ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp, chăm chỉ, nhiệt tình, cẩn thận, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn

- PLO 15. Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức về nghề nghiệp, chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc

- PLO 16. Xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp và học tập suốt đời.

### **3.1.2.3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp**

Thạc sỹ kế toán theo định hướng ứng dụng sau khi tốt nghiệp có thể làm việc độc lập, sáng tạo trong thực tế. Nơi làm việc và công việc có thể đảm nhận:

- Hoạt động phân tích, đánh giá, tư vấn trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán, Thuế, Tài chính, ...ở các công ty nước ngoài, các tập đoàn công ty, công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, các tổ chức tư vấn, các quỹ đầu tư

- Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ở các trường cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu

- Xây dựng, đánh giá chính sách vĩ mô về tài chính, kế toán, thuế ở cơ quan quản lý nhà nước.

### **3.1.2.4. Cấu trúc và nội dung chương trình**

#### ***a) Cấu trúc chương trình***

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>                 | <b>Số học phần</b> | <b>Số tín chỉ</b> |
|-----------|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>1</b>  | Kiến thức chung                 | <b>5</b>           | <b>10</b>         |
|           | - Bắt buộc                      | 2                  | 8                 |
|           | - Tự chọn                       | 3                  | 2                 |
| <b>2</b>  | Kiến thức cơ sở và chuyên ngành | <b>23</b>          | <b>43</b>         |
|           | - Bắt buộc                      | 9                  | 26                |

|   |                          |    |           |
|---|--------------------------|----|-----------|
|   | - Tự chọn                | 14 | 17        |
| 3 | Đề án / Đồ án tốt nghiệp | 1  | 7         |
|   | <b>Tổng</b>              |    | <b>60</b> |

**b) Nội dung chương trình**

| TT                                        | Mã học phần | Tên học phần                                                                                | Số tín chỉ | Đáp ứng CDR                             | Học phần tiên quyết |
|-------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------|---------------------|
| <b>1. Kiến thức chung</b>                 |             |                                                                                             | <b>10</b>  |                                         |                     |
| <b>1.1. Các học phần bắt buộc</b>         |             |                                                                                             | <b>8</b>   |                                         |                     |
| 1                                         | POS502      | Triết học<br>( <i>Philosophy</i> )                                                          | 4(4-0)     | 1,9                                     |                     |
| 2                                         | FLS503      | Tiếng Anh<br>( <i>English</i> )                                                             | 4(4-0)     | 3,10                                    |                     |
| <b>1.2. Các học phần tự chọn</b>          |             |                                                                                             | <b>2</b>   |                                         |                     |
| 3                                         | ECS505      | Kinh tế vi mô ứng dụng<br>( <i>Applied Microeconomics</i> )                                 | 2(1-1)     | 1,9                                     |                     |
| 4                                         | ECS506      | Kinh tế vĩ mô ứng dụng<br>( <i>Applied Macroeconomics</i> )                                 | 2(1-1)     | 1,9                                     |                     |
| 5                                         | ECS508      | Kinh tế lượng ứng dụng<br>( <i>Applied Econometrics</i> )                                   | 2(1,5-0,5) | 2                                       |                     |
| <b>2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |             |                                                                                             | <b>43</b>  |                                         |                     |
| <b>2.1. Các học phần bắt buộc</b>         |             |                                                                                             | <b>26</b>  |                                         |                     |
| 6                                         |             | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán<br>( <i>Research Methods for Accounting</i> ) | 3(2-1)     | 2,8,9                                   |                     |
| 7                                         |             | Lý thuyết kế toán<br>( <i>Accounting Theory</i> )                                           | 3(2-1)     | 4,6,7                                   |                     |
| 8                                         |             | Kế toán tài chính nâng cao<br>( <i>Advanced Financial Accounting</i> )                      | 3(1,5-1,5) | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13                |                     |
| 9                                         |             | Kế toán quản trị nâng cao<br>( <i>Advanced Management Accounting</i> )                      | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13                |                     |
| 10                                        |             | Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo<br>( <i>Auditing and Assurance</i> )                           | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>8,9,10,<br>11,12,<br>13,14, |                     |

|                                  |        |                                                                                                             |            |                           |                            |
|----------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------------------|
|                                  |        |                                                                                                             |            | 15,16                     |                            |
| 11                               |        | Hệ thống thông tin kế toán<br>( <i>Accounting Information System</i> )                                      | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13  | Kế<br>toán<br>tài<br>chính |
| 12                               |        | Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế<br>( <i>International Financial Reporting Standards</i> )               | 3(2-1)     | 4,9,11,1<br>2,13          |                            |
| 13                               |        | Kế toán công<br>( <i>Public Accounting</i> )                                                                | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13  |                            |
| 14                               |        | Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp<br>( <i>Financial Analysis and Business Valuation</i> )        | 2(2-0)     | 6,7,11,<br>13             |                            |
| <b>2.2. Các học phần tự chọn</b> |        |                                                                                                             | <b>17</b>  |                           |                            |
| 15                               |        | Kế toán trong kinh doanh<br>( <i>Accounting in Business</i> )                                               | 3(2-1)     | 1,7,8,<br>13,14,<br>15,16 |                            |
| 16                               |        | Thuế và Kế toán thuế<br>( <i>Tax and Tax Accounting</i> )                                                   | 3(2-1)     | 5,7,11,<br>13             |                            |
| 17                               |        | Kế toán quốc tế<br>( <i>International Accounting</i> )                                                      | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13  |                            |
| 18                               |        | Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán<br>( <i>Accounting and Auditing Ethics</i> )                        | 2(1,5-0,5) | 14,15,<br>16              |                            |
| 19                               |        | Kiểm soát nội bộ<br>( <i>Internal Control</i> )                                                             | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13  |                            |
| 20                               |        | Kiểm toán hoạt động<br>( <i>Operational audit</i> )                                                         | 3(2-1)     | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13  |                            |
| 21                               |        | Quản trị tài chính<br>( <i>Financial Management</i> )                                                       | 2(2-0)     | 6,7,11,<br>13             |                            |
| 22                               |        | Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính<br>trung gian<br>( <i>Financial Market and Institutions</i> ) | 2(1,5-0,5) | 6,7,11,<br>13             |                            |
| 23                               | FIB506 | Tài chính công                                                                                              | 2(2-0)     | 6,7,11,                   |                            |

|                      |  |                                                              |           |                          |                                             |
|----------------------|--|--------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|---------------------------------------------|
|                      |  | <i>(Public finance)</i>                                      |           | 13                       |                                             |
| 24                   |  | Luật kinh doanh<br><i>(Business Laws)</i>                    | 2(2-0)    | 4,5,11,<br>12,13         |                                             |
| 25                   |  | Luật thương mại Quốc tế<br><i>(International Trade Laws)</i> | 2(1-1)    | 1,9,13                   |                                             |
| 26                   |  | Quản trị công ty<br><i>(Company Management)</i>              | 2(2-0)    | 1,4,8,9,<br>13,14        |                                             |
| 27                   |  | Quản trị chiến lược<br><i>(Strategic Management)</i>         | 2(2-0)    | 1,4,8,9,<br>13,14        | Kinh<br>tế vĩ<br>mô,<br>Kinh<br>tế vi<br>mô |
| 28                   |  | Kế toán môi trường<br><i>(Environmental Accounting)</i>      | 3(2-1)    | 4,5,6,7,<br>11,12,<br>13 |                                             |
| <b>3. Tốt nghiệp</b> |  |                                                              | <b>7</b>  |                          |                                             |
| 29                   |  | Đề án / Đồ án tốt nghiệp                                     | 7         | Từ 1<br>đến 16           |                                             |
| <b>Tổng cộng:</b>    |  |                                                              | <b>60</b> |                          |                                             |

**c) Mô tả các học phần**

| <b>Mã học phần</b> | <b>Nội dung mô tả học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>POS501</b>      | <b>Triết học</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>4TC (4-0)</b> |
|                    | Khái luận về triết học nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học và bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn. Bản thể luận, phép biện chứng. Nhận thức luận. Lý luận triết học về xã hội và con người. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Triết học chính trị. Ý thức xã hội. Triết học về con người, là những nội dung cơ bản để trang bị cho người học về lý luận chính trị, phục vụ trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. |                  |
| <b>FLS503</b>      | <b>Tiếng Anh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>4TC (4-0)</b> |
|                    | Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách phát âm, cấu trúc ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ đề như: hành trình và các chuyến đi, điện ảnh và nghệ thuật, khoa học, du lịch, kinh tế, tài chính. Ngoài ra, người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những                                                                                                                                                                                                             |                  |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|               | tình huống liên quan đến các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                      |
| <b>ECS505</b> | <b>Kinh tế vi mô ứng dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>2TC (2-1)</b>     |
|               | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết sản xuất và tiêu dùng trong thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền; các quyết định kinh doanh thông qua phân tích lý thuyết trò chơi; lý thuyết về những biến dạng của thị trường như thông tin bất cân xứng, hàng hóa công, ngoại tác; và vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cũng như làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành.                                                                                                                                      |                      |
| <b>ECS506</b> | <b>Kinh tế vĩ mô ứng dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>2TC (1-1)</b>     |
|               | Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách, thâm hụt tài khoản vãng lai, sự dao động trong lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách cho sự ổn định và tăng trưởng kinh tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |
| <b>ECS508</b> | <b>Kinh tế lượng ứng dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>2TC (1,5-0,5)</b> |
|               | Học phần được tổ chức thiên về hướng ứng dụng hơn là tập trung vào nền tảng lý thuyết. Nội dung chính của học phần bao gồm: Thứ nhất, giới thiệu các vấn đề nảy sinh trong việc ước lượng một mô hình khi các giả thiết của mô hình hồi qui tuyến tính cổ điển (CLRM) bị vi phạm và các phương pháp khắc phục. Thứ hai, học viên sẽ được tiếp cận việc ước lượng mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng. Nội dung của mỗi chuyên đề gồm 3 phần: (1) Lý thuyết căn bản; (2) Ứng dụng kinh tế lượng và nghiên cứu minh họa; (3) Bài tập thực hành trên máy. |                      |
| .....         | <b>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>3TC (2-1)</b>     |
|               | Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị và thực hiện một nghiên cứu cụ thể, nội dung chính bao gồm: các xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu.                                                                                                                                                                                                                  |                      |
| .....         | <b>Lý thuyết kế toán</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>3TC (2-1)</b>     |
|               | Học phần Lý thuyết kế toán nhằm trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về sự phát triển của các trường phái lý thuyết kế toán. Học phần sẽ giới thiệu bản chất của lý thuyết kế toán; Quá trình hình thành và phát triển của lý thuyết kế toán; Các nhân tố cấu tạo nên lý thuyết kế toán; Các lý thuyết kế toán cơ bản và vai trò của lý thuyết kế toán với các vấn đề thực tế trong hoạt động của các đơn vị kế toán.                                                                                                                                               |                      |
| .....         | <b>Kế toán tài chính nâng cao</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>3TC (1,5-1,5)</b> |
|               | Học phần này giúp học viên tìm hiểu kiến thức rộng và chuyên sâu về Chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                      |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|       | mục Kế toán, Chế độ Kế toán và vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, như: Chuẩn mực về Thuê tài sản; Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; Điều chỉnh kế toán do thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót; Hợp nhất kinh doanh, Báo cáo tài chính hợp nhất ... Từng chuyên đề sẽ đề cập về nội dung của từng chuẩn mực kế toán có liên quan và cách vận dụng để xử lý các tình huống trong thực tế thông qua các bài tập tình huống, thảo luận các vấn đề có tính thời sự về kế toán trong doanh nghiệp hiện nay. |                  |
| ..... | <b>Kế toán quản trị nâng cao</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán quản trị bao gồm: Các phương pháp kế toán quản trị chi phí, tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị và phân tích thông tin cho việc ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |
| ..... | <b>Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, quy trình và thực hiện kiểm toán đối với từng phân hệ kế toán tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Giúp sinh viên đạt được những kiến thức và kỹ năng kiểm toán các nội dung sau: Kiểm toán tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn; Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp cho học viên kiến thức về các dịch vụ đảm bảo của các công ty kiểm toán.                                                                         |                  |
| ..... | <b>Hệ thống thông tin kế toán</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin kế toán bao gồm: Hoạt động thiết kế, kiểm soát và vận hành hệ thống thông tin kế toán trong một tổ chức; xây dựng hệ thống thông tin kế toán cho các chu trình kinh doanh như chu trình chi tiêu, chu trình sản xuất, chu trình doanh thu, chu trình nhân sự và tiền lương.                                                                                                                                                                                                                        |                  |
| ..... | <b>Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Học phần đi từ “khôn khổ khái niệm” của báo cáo tài chính đến các chuẩn mực cụ thể. Các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế được lựa chọn đưa vào học phần là những chuẩn mực có nhiều khác biệt so với kế toán Việt Nam, giúp cho người học đón đầu những thay đổi của chuẩn                                                                                                                                                                                                         |                  |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|       | mục kế toán Việt Nam trong xu thế hội nhập với kế toán quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |
| ..... | <b>Kế toán công</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần Kế toán công trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về Kế toán công, bao gồm: hoạt động của bộ máy quản lý tài chính nhà nước, các nguyên tắc và quy định về thu, chi ngân sách nhà nước, các loại hình đơn vị kế toán nhà nước, hệ thống kế toán công hiện hành và hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |
| ..... | <b>Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>2TC (2-0)</b> |
|       | Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức toàn diện và chuyên sâu về phân tích tài chính và định giá DN trong thực tiễn hiện nay. Với kiến thức này, học viên có được cơ sở lý luận, phương pháp và cách thức thực hiện việc phân tích tài chính và xác định giá trị DN cho các mục đích khác nhau của các đối tượng quan tâm trong thực tiễn. Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính bao gồm quy trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích, phương pháp phân tích nội dung phân tích tài chính nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của DN giúp cho các đối tượng quan tâm đến tài chính DN đưa ra các quyết định tài chính hợp lý, phù hợp với mục tiêu mà họ quan tâm. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về giá trị DN, định giá DN, các phương pháp định giá DN cho phép chủ sở hữu cũng như nhà đầu tư đưa ra các quyết định huy động vốn và đầu tư đúng đắn. |                  |
| ..... | <b>Kế toán trong kinh doanh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức về công tác kế toán tại một đơn vị sản xuất kinh doanh và các vấn đề liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm: các loại tổ chức, môi trường hoạt động của doanh nghiệp, công tác quản trị công ty, kiểm soát nội bộ, quản trị nhân sự, trao đổi thông tin trong tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |
| ..... | <b>Thuế và Kế toán thuế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>3TC (2-1)</b> |
|       | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về: Hệ thống thuế, các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng hệ thống thuế của quốc gia; các vấn đề liên quan đến kế toán thuế và xây dựng hệ thống kế toán thuế trong các doanh nghiệp; vấn đề thuế trong các quan hệ kinh tế quốc tế và trong quá trình hội nhập kinh tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |
| ..... | <b>Kế toán quốc tế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>3TC (2-1)</b> |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                      |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|       | <p>Học phần Kế toán quốc tế được xây dựng nhằm trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về sự phát triển của kế toán quốc tế, cụ thể nội dung kế toán trong các công ty đa quốc gia, các khác biệt về hệ thống kế toán giữa các quốc gia, các nội dung kế toán phức tạp từ kinh doanh quốc tế khác. Học phần tập trung vào các vấn đề chính của kế toán quốc tế như: quá trình hình thành và phát triển của kế toán quốc tế có ảnh hưởng tới sự phát triển của kế toán Việt Nam, quá trình đa dạng hóa trong kế toán quốc tế, xu thế hội tụ trong kế toán hiện đại trên thế giới, các chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành; đồng thời cung cấp các kiến thức nâng cao về các vấn đề kế toán quốc tế như các giao dịch ngoại hối, vấn đề thuế quốc tế, vấn đề chuyển giá quốc tế, các vấn đề kế toán mang tính chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia.</p>                                                                                                                       |                      |
| ..... | <b>Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>2TC (1,5-0,5)</b> |
|       | <p>Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đạo đức nói chung cũng như trong hành nghề kế toán - kiểm toán nói riêng. Môn học giới thiệu về vai trò, sự cần thiết của đạo đức nghề nghiệp trong kế toán - kiểm toán, các yêu cầu và quy định cụ thể về đạo đức trong nghề kế toán và kiểm toán trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Môn học cũng đưa ra các tình huống về đạo đức trong thực tế hành nghề kế toán kiểm toán để người học nghiên cứu, phân tích và thảo luận, giúp người học nhuần nhuyễn các kỹ năng xử lý các tình huống khó xử về đạo đức trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Thông qua nội dung lý thuyết và các tình huống thực tế nghiên cứu, vai trò của đạo đức đối với sự phát triển lâu dài của nghề kế toán và kiểm toán được làm rõ, người học hiểu được những nguyên tắc và qui định cụ thể về đạo đức nghề nghiệp để vận dụng tốt trong quá trình công tác trong lĩnh vực kế toán kiểm toán</p> |                      |
| ..... | <b>Kiểm soát nội bộ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>3TC (2-1)</b>     |
|       | <p>Học phần này giới thiệu về việc thiết kế, vận hành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp, đơn vị khác nhau. Môn học này giới thiệu chuyên sâu về các quan điểm kiểm soát nội bộ, quá trình hình thành và phát triển của kiểm soát nội bộ, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong và ngoài đơn vị đối với kiểm soát nội bộ. Môn học sẽ ứng dụng các mô hình lý thuyết cung cấp kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nội bộ, xây dựng, thiết kế kiểm soát nội bộ trong các loại hình đơn vị khác nhau như các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị phi lợi nhuận. Học phần được tổ chức theo nhiều chuyên đề, với các</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                      |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|               | nội dung lý thuyết, thực hành, và bài tập tình huống. Học phần kiểm soát nội bộ chương trình đào tạo thạc sĩ sẽ tập trung vào bình luận, phân tích các nội dung đề cập trong chuyên đề, nghiên cứu giải quyết vấn đề thực tiễn tại nơi học viên cao học đang công tác, hoặc gợi mở hướng nghiên cứu, phát hiện vấn đề cần nghiên cứu chuyên sâu về kiểm soát nội bộ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                      |
| .....         | <b>Kiểm toán hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>3TC (2-1)</b>     |
|               | Học phần này tập trung giới thiệu với người học những nội dung trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động hướng vào đánh giá tính hiệu quả của hệ thống thông tin và quản trị nội bộ hiệu quả hoạt động và hiệu quả quản lý hoạt động trong các khu vực công và khu vực tư, gồm cơ sở lý luận; các công cụ phân tích; yếu tố ngoại tác nhằm mục tiêu cải thiện và tối đa hóa hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng thông tin và ra quyết định.                                                                                                                                                                                                                                       |                      |
| <b>FIB508</b> | <b>Quản trị tài chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>2TC (2-0)</b>     |
|               | Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về bản chất và quá trình vận hành quản trị tài chính DN; đồng thời trang bị các kiến thức cơ bản và chuyên sâu nhằm giúp học viên có thể xây dựng và đưa ra các quyết định tài chính (quyết định đầu tư, quyết định nguồn vốn và quyết định phân phối thu nhập) sao cho tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu. Cụ thể, học phần trang bị kiến thức cho việc ra quyết định đầu tư bao gồm quản trị trị vốn ngắn hạn, quản trị dự án đầu tư; quyết định nguồn vốn bao gồm lý thuyết về cơ cấu vốn, chi phí sử dụng vốn và quyết định tài trợ; và quyết định phân phối thu nhập thông qua nghiên cứu chính sách cổ tức DN. |                      |
| .....         | <b>Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>2TC (1,5-0,5)</b> |
|               | Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên thấy được sự phát triển hiện tại của hệ thống tài chính. Học viên sẽ mở rộng được những nhận thức của mình về mối quan hệ giữa các thị trường tài chính bộ phận, các tài sản tài chính và các định chế tài chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |
| <b>ECS52</b>  | <b>Tài chính công</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>2TC (2-0)</b>     |
|               | Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); Các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; Ngoại tác; Phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |
|               | <b>Luật kinh doanh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>2TC (2-0)</b>     |
|               | Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về luật kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản, đầu tư và các hình thức giải quyết tranh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|               | chấp trong kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |
| <b>TRE505</b> | <b>Luật thương mại Quốc tế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>2TC (1-1)</b> |
|               | Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế bao gồm: Tổng quan thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; các biện pháp khắc phục thương mại; các hiệp định thương mại tự do và cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO; cơ sở pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế; hiệu lực, ký kết và điều chỉnh hợp đồng; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |
| .....         | <b>Quản trị công ty</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>2TC (2-0)</b> |
|               | Học phần trang bị cho người học kiến thức một cách hệ thống về các phương pháp tiếp cận lý thuyết và thực tiễn trong quản trị công ty, bao gồm: Nguyên tắc quản trị công ty, các mô hình và lý thuyết quản trị công ty, đánh giá quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD và ASEAN. Học phần cũng giúp cho người học hiểu sâu về bộ máy quản trị của công ty đại chúng gồm các khía cạnh: cổ đông và các bên liên quan, hội đồng quản trị, công bố thông tin và minh bạch,....                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <b>BUA501</b> | <b>Quản trị chiến lược</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>2TC (2-0)</b> |
|               | Học phần này giúp học viên ôn lại và cập nhật những kiến thức mới về quản trị chiến lược (QTCL) ở các công ty trong bối cảnh kinh doanh ngày nay. Đặc biệt học phần sẽ trọng tâm vào một số chủ đề quan trọng về QTCL đang được nhiều nhà quản trị quan tâm mà trong bậc cử nhân, học viên chưa có dịp nghiên cứu sâu. Mặt khác với việc thường xuyên thực hành thảo luận nhóm, làm các bài tập theo nhóm sẽ giúp học viên trao đổi kiến thức thông qua trí tuệ của cả nhóm. Cuối cùng học phần cũng sẽ giúp học viên nhận dạng, khám phá và sáng tạo các yếu tố của chiến lược cũng như đối với quá trình triển khai và thực hiện chiến lược của công ty trong bối cảnh có sự tác động phức tạp của các yếu tố môi trường kinh doanh ngày nay. |                  |
| .....         | <b>Kế toán môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>3TC (2-1)</b> |
|               | Học phần này giới thiệu về những vấn đề liên quan đến kế toán môi trường trong các doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức về tính cấp thiết thực hiện kế toán môi trường trong doanh nghiệp, bản chất của kế toán môi trường, phân loại và đo lường các chi phí môi trường, phân tích báo cáo kế toán môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| ..... | <b>Đề án / Đồ án tốt nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                             | <b>7TC</b> |
|       | Đề án / Đồ án là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình, phương pháp mới... trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính vào thực tế. |            |

### 3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

#### 3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

##### *a) Phương án tuyển sinh ngành đào tạo kèm chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu*

Dựa trên dự báo về nhu cầu ở nội dung trước, phương án tuyển sinh trong 05 năm đầu tiêu dự kiến như sau:

| Năm         | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    |
|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Số học viên | 20 – 30 | 20 – 30 | 20 – 30 | 20 – 30 | 20 – 30 |

##### *b) Đối tượng tuyển sinh*

Yêu cầu đối với người dự tuyển (văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác):

**(1). Có bằng cử ngành, chuyên ngành đúng và phù hợp với chuyên ngành thạc sĩ đăng ký dự tuyển:** thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học.

**(2). Có bằng cử nhân ngành, chuyên ngành gần với chuyên ngành thạc sĩ đăng ký dự tuyển:** thí sinh phải học bổ sung kiến thức đại học 3 môn chuyên ngành.

##### *c) Danh mục ngành, chuyên ngành đúng, phù hợp và gần với ngành đề nghị cho phép đào tạo:*

| TT | Ngành đào tạo                                                           | Hình thức đào tạo             | Yêu cầu bổ sung kiến thức | Thâm niên công tác |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1  | <b>Ngành, chuyên ngành đúng và phù hợp:</b><br>• Kế toán<br>• Kiểm toán | Chính quy,<br>Vừa làm vừa học | Không                     | Không              |
| 2  | <b>Ngành, chuyên ngành gần:</b><br>• Tài chính doanh nghiệp             | Chính quy,<br>Vừa làm vừa học | Có                        | Không              |

|  |                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài chính ngân hàng</li> <li>• Tài chính công</li> <li>• Quản trị kinh doanh</li> <li>• Kinh doanh thương mại</li> <li>• Marketing</li> <li>• Kinh tế</li> </ul> |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**d) Danh mục học phần bổ sung kiến thức:**

Đối với đối tượng tuyển sinh thuộc ngành, chuyên ngành gần cần phải bổ sung kiến thức đại học 3 môn thuộc chuyên ngành kế toán sau đây:

| TT | Mã học phần | Tên học phần             | Số tín chỉ |
|----|-------------|--------------------------|------------|
| 1  | ACC325      | Nguyên lý kế toán        | 2(2-0)     |
| 2  | ACC351      | Kế toán tài chính        | 2(2-0)     |
| 3  | AUD348      | Kế toán quản trị chi phí | 2(2-0)     |

**e) Các môn thi tuyển:**

| TT | Mã thi       |
|----|--------------|
| 1  | Toán cao cấp |
| 2  | Kinh tế học  |
| 3  | Tiếng Anh    |

**3.2.2. Kế hoạch đào tạo**

**a) Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ đối với ngành Kế toán là 18 tháng liên tục.

**b) Khung kế hoạch đào tạo**

| Thời gian                       | Tên học phần                       | Số tín chỉ | Giảng viên/ Chuyên ngành | Cơ quan công tác         |
|---------------------------------|------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b> |                                    | <b>34</b>  |                          |                          |
| Học kỳ 1<br>(11 TC)             | <b><i>Kiến thức chung</i></b>      | <b>8</b>   |                          |                          |
|                                 | Triết học<br>( <i>Philosophy</i> ) | 4 (4-0)    | TS. Nguyễn Hữu Tâm       | Trường Đại học Nha Trang |

|                     |                                                                                    |          |                                                                             |                                     |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|                     | Tiếng Anh<br>(English)                                                             | 4 (4-0)  | TS. Võ Nguyễn Hồng Lam                                                      | Trường Đại học Nha Trang            |
|                     | <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>                                             | <b>3</b> |                                                                             |                                     |
|                     | Lý thuyết kế toán<br>(Accounting Theory)                                           | 3 (2-1)  | PGS.TS. Võ Văn Nhị<br>PGS.TS. Hà Xuân Thạch                                 | Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH) |
|                     |                                                                                    |          | TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Văn Hương | Trường Đại học Nha Trang            |
| Học kỳ 2<br>(9 TC)  | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán<br>(Research Methods for Accounting) | 3(2-1)   | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Văn Ngọc<br>PGS.TS. Hồ Huy Tựu         | Trường Đại học Nha Trang            |
|                     | Kế toán tài chính nâng cao<br>(Advanced Financial Accounting)                      | 3(2-1)   | PGS.TS. Võ Văn Nhị<br>PGS.TS. Hà Xuân Thạch                                 | Trường Đại học kinh tế Tp.HCM (UEH) |
|                     |                                                                                    |          | TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Võ Thị Thùy Trang | Trường Đại học Nha Trang            |
|                     | Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo<br>(Auditing and Assurance)                           | 3(2-1)   | PGS.TS.Đường Nguyễn Hưng                                                    | Đại học Kinh tế Đà Nẵng             |
|                     |                                                                                    |          | TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Thành Cường                                   | Trường Đại học Nha Trang            |
| Học kỳ 3<br>(14 TC) | Kế toán quản trị nâng cao<br>(Advanced Management Accounting)                      | 3(2-1)   | PGS.TS. Đoàn Ngọc Phi Anh<br>TS. Trần Anh Hoa                               | Đại học Kinh tế Đà Nẵng             |
|                     |                                                                                    |          | TS. Nguyễn Thành Cường<br>TS. Nguyễn Tuấn                                   | Trường Đại học Nha Trang            |

|                                |                                                                                                      |           |                                                                             |                                                           |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|                                | Hệ thống thông tin kế toán<br>( <i>Accounting Information System</i> )                               | 3(2-1)    | TS. Nguyễn Thành Cường                                                      | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                                |                                                                                                      |           | PGS.TS. Đinh Thế Hùng                                                       | Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
|                                | Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế<br>( <i>International Financial Reporting Standards</i> )        | 3(2-1)    | TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo<br>TS. Võ Thị Thùy Trang | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                                |                                                                                                      |           | PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh                                                  | Trường Đại học Quy Nhơn                                   |
|                                | Kế toán công<br>( <i>Public Accounting</i> )                                                         | 3(2-1)    | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Nguyễn Thành Cường                               | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                                |                                                                                                      |           | PGS.TS. Đinh Thế Hùng                                                       | Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
|                                | Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp<br>( <i>Financial Analysis and Business Valuation</i> ) | 2(2-0)    | PGS.TS. Nguyễn Công Phương<br>PGS.TS. Đoàn Ngọc Phi Anh                     | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                                   |
|                                |                                                                                                      |           | TS. Võ Văn Cần<br>TS. Nguyễn Hữu Mạnh<br>TS. Nguyễn Thị Hiền                | Trường Đại học Nha Trang                                  |
| <b>2. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b> |                                                                                                      | <b>19</b> |                                                                             |                                                           |
| Kỳ 1<br>(chọn 1 HP)            | <b>Kiến thức chung</b>                                                                               | <b>2</b>  |                                                                             |                                                           |
|                                | Kinh tế vi mô ứng dụng<br>( <i>Applied Microeconomics</i> )                                          | 2(1-1)    | TS. Phạm Hồng Mạnh                                                          | Trường Đại học Nha                                        |

|                     |                                                                                                                       |                                                                                  |                                                                                       |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|                     |                                                                                                                       |                                                                                  | Trang                                                                                 |
|                     | Kinh tế vĩ mô ứng dụng<br>( <i>Applied Macroeconomics</i> )                                                           | 2(1-1)<br>PGS. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>PGS.TS. Hồ Huy Tựu                     | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
|                     | Kinh tế lượng ứng dụng<br>( <i>Applied Econometrics</i> )                                                             | 2(1,5-0,5)<br>TS. Phạm Thành Thái<br>TS. Nguyễn Thu Thủy                         | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
| Kỳ 1<br>(chọn 2 HP) | <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>                                                                                | <b>4</b>                                                                         |                                                                                       |
|                     | Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán<br>( <i>Accounting and Auditing Ethics</i> )                                  | 2(1,5-0,5)<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Thị Hiền                       | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
|                     | Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian<br>( <i>Financial Markets and Financial Intermediaries</i> ) | 2(1,5-0,5)<br>TS. Nguyễn Hữu Mạnh<br>TS. Võ Văn Cần<br>TS. Nguyễn Thị Hiền       | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
|                     | Quản trị công ty<br>( <i>Company Management</i> )                                                                     | 2(2-0)<br>TS. Nguyễn Văn Ngọc<br>PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh                     | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
|                     | Tài chính công<br>( <i>Public finance</i> )                                                                           | 2(2-0)<br>TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Võ Văn Cần<br>TS. Nguyễn Hữu Mạnh           | Trường Đại học Nha Trang                                                              |
| Kỳ 2<br>(chọn 3 HP) | <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>                                                                                | <b>9</b>                                                                         |                                                                                       |
|                     | Thuế và Kế toán thuế<br>( <i>Tax and Tax Accounting</i> )                                                             | 3(2-1)<br>TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>PGS.TS. Đinh Thế Hùng | Trường Đại học Nha Trang<br>Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |

|                     |                                                               |          |                                                                             |                                                           |
|---------------------|---------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|                     | Kế toán trong kinh doanh<br>( <i>Accounting in Business</i> ) | 3(2-1)   | TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Thành Cường                              | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                     |                                                               |          | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến                                                    | Trường Đại học Quy Nhơn                                   |
|                     | Kế toán quốc tế<br>( <i>International Accounting</i> )        | 3(2-1)   | TS. Võ Thị Thùy Trang<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Bích Hương Thảo | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                     | Kế toán môi trường<br>( <i>Environmental Accounting</i> )     | 3(2-1)   | TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Văn Hương<br>TS. Nguyễn Thành Cường           | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                     | Kiểm soát nội bộ<br>( <i>Internal Control</i> )               | 3(2-1)   | PGS.TS.Đường Nguyễn Hưng                                                    | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                                   |
|                     |                                                               |          | TS. Nguyễn Tuấn<br>TS. Nguyễn Thành Cường                                   | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                     | Kiểm toán hoạt động<br>( <i>Operational audit</i> )           | 3(2-1)   | TS. Nguyễn Tuấn                                                             | Trường Đại học Nha Trang                                  |
|                     |                                                               |          | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến                                                    | Trường Đại học Quy Nhơn                                   |
|                     |                                                               |          | PGS.TS. Đinh Thế Hùng                                                       | Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| Kỳ 3<br>(chọn 2 HP) | <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>                        | <b>4</b> |                                                                             |                                                           |
|                     | Quản trị tài chính<br>( <i>Financial Management</i> )         | 2(2-0)   | TS. Võ Văn Cần                                                              | Trường Đại học Nha                                        |

|                         |                                                                |          |                                                                                                   |                          |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|                         |                                                                |          | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Nguyễn Hữu Mạnh                                                        | Trang                    |
|                         | Luật kinh doanh<br>( <i>Business Laws</i> )                    | 2(2-0)   | TS. Trần Thị Ái Cẩm                                                                               | Trường Đại học Nha Trang |
|                         | Luật thương mại Quốc tế<br>( <i>International Trade Laws</i> ) | 2(1-1)   | PGS. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh                                                                      | Trường Đại học Nha Trang |
|                         | Quản trị chiến lược<br>( <i>Strategic Management</i> )         | 2(2-0)   | PGS.TS. Lê Kim Long                                                                               | Trường Đại học Nha Trang |
| <b>3. ĐỒ ÁN / ĐỀ ÁN</b> |                                                                | <b>7</b> | Danh sách các giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng thực hiện được đính kèm trong Chương trình đào tạo |                          |

### 3.2.3. Các chương trình đào tạo được tham khảo

| TT | Tên chương trình – Trường                                                                                                                           | Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)                                                                                                                                                                                                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng – Trường Đại học Kinh tế , Đại học Đà Nẵng.                                                                | <a href="https://drive.google.com/file/d/1WMSltCXnGMk9dZOvgF_t4kIXa_pmNE9oD/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1WMSltCXnGMk9dZOvgF_t4kIXa_pmNE9oD/view?usp=sharing</a>                                                             |
| 2  | Thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng - chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và Phân tích; Viện Kế Toán - Kiểm Toán, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. | <a href="https://saa.neu.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-ctdt-thac-si.html">https://saa.neu.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-ctdt-thac-si.html</a>                                                                                                           |
| 3  | Thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng – Trường Đại học Quy Nhơn.                                                                                 | <a href="http://pdt Saudaihoc.qnu.edu.vn/vi/dao-cao-0804/chuan-dau-ra-cac-chuyen-nganh-cao-tao-trinh-do-thac-si-va-tien-si">http://pdt Saudaihoc.qnu.edu.vn/vi/dao-cao-0804/chuan-dau-ra-cac-chuyen-nganh-cao-tao-trinh-do-thac-si-va-tien-si</a> |

### 3.2.4. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

#### a) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Bên cạnh số lượng Tiến sĩ của Khoa KTTC hiện có như trình bày ở trên, số lượng nghiên cứu sinh của Khoa KTTC hiện đang nghiên cứu ở các trường đại học trong nước và quốc tế bao gồm:

**Danh sách các giảng viên, cán bộ cơ hữu của Khoa KTTC đang thực hiện đề tài nghiên cứu sinh**

| <b>Số TT</b> | <b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b> | <b>Nơi đào tạo</b>            | <b>Ngành/ Chuyên ngành</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|----------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|----------------|
| 1            | Nguyễn Thị Bảo Ngọc                          | Đài Loan                      | Tài chính                  | NN             |
| 2            | Nguyễn Thị Kim Dung                          | Anh                           | Tài chính                  | NN             |
| 3            | Phạm Đình Tuấn                               | Đại học Kinh tế Đà Nẵng       | Kế toán                    | TN             |
| 4            | Nguyễn Văn Bảy                               | Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM | Tài chính – Ngân hàng      | TN             |

***b) Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo:***

Hàng năm Trường Đại học Nha Trang thường xuyên đầu tư chi cho cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy và học, tăng số đầu sách trong thư viện, bổ sung thiết bị và dụng cụ thí nghiệm, sửa chữa nhỏ, nâng cấp hệ thống internet, E-learning, số hóa tài liệu, nâng cấp dịch vụ ký túc xá, ... theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.

***c) Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo***

Duy trì tổ chức hằng năm 01 hội nghị, hội thảo khoa học cấp Trường, và mỗi bộ môn tổ chức sinh hoạt học thuật 1 lần/tháng. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong giảng viên và sinh viên, phấn đấu mỗi năm đạt được ít nhất 1 đề tài NCKH trong SV / ngành, 1 đề tài NCKH cấp trường của giảng viên / ngành.

Đẩy mạnh quan hệ với các địa phương, khai thác các mối quan hệ của học viên cao học làm việc ở các cơ quan quản lý, để đầu thầu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh. Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 1 đề tài NCKH cấp Tỉnh hoặc tương đương. Phấn đấu duy trì thực hiện các đề tài cấp quốc gia như NAFOSTED, cấp quốc tế.

Tăng cường công tác biên soạn các giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, phấn đấu mỗi năm có ít nhất 2 sách được xuất bản.

Nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên trẻ, khuyến khích giảng viên trẻ tham dự các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, kèm cặp các giảng viên trẻ trong việc viết các bài báo khoa học tham dự hội thảo và xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành.

Phấn đấu mỗi giảng viên đều có thể viết ít nhất 1-2 bài báo mỗi năm, để đạt trung bình 20 bài báo trong nước mỗi năm.

Đẩy mạnh viết các bài báo đăng tham dự hội thảo quốc tế, phấn đấu mỗi năm toàn khoa có ít nhất 3 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế.

Tìm kiếm và phát triển các hoạt động Hợp tác quốc tế (HTQT) đã được thiết lập trong trao đổi giảng viên và sinh viên, liên kết đào tạo hệ cử nhân và cao học cấp bằng nước ngoài.

Thành lập các nhóm phụ trách Hợp tác đối ngoại (HTĐN) và khuyến khích các cán bộ viên chức tham gia để nâng cao năng lực và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động HTĐN.

***d) Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng học viên cao học tốt nghiệp.***

Nội dung này sẽ được cập nhật khi chương trình đi vào triển khai, căn cứ vào điều kiện thực tiễn để xác định mục tiêu và xây dựng nội dung kế hoạch.

***e) Mức học phí:***

Theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP về học phí và theo quyết định của Nhà trường:  
33.000.000 đồng/toàn khóa.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phần 4**  
**CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN**

1. Quyết nghị của Hội đồng trường về việc mở ngành hoặc chuyên ngành đăng ký đào tạo.
2. Biên bản thông qua đề án của hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo.
3. Các biểu mẫu xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, kỹ thuật viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo; lý lịch khoa học, bằng tốt nghiệp của đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo.
4. Quyết định thành lập hội đồng biên soạn, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.
5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.
6. Văn bản giải trình việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.
7. Minh chứng về các nội dung tại **Điều 2** của Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT.
8. Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành hoặc chuyên ngành của cơ sở đào tạo.